

Mật Tạng Bộ 1 _ No.850 (Tr.68_Tr.82)

KINH NHIẾP ĐẠI TỖ LÔ GIÁ NA
ĐẠI BỒ ĐỀ TRÀNG CHỦ TÔN MẬT ÁN TIÊU XÍ
MẠN TRÀ LA NGHI QUỶ
QUYÊN THỨ HAI

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc
THÂU BA CA LA (Śubhakarasiṃha: Thiện Vô Úy) phụng chiếu dịch.
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

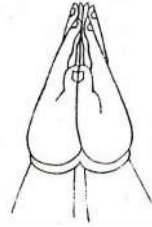
Bấy giờ **Bà Nga Tông**
Tỳ Lô Giá Na Phật (Bhagavaṃ-vairocana-buddha)
Quán sát các Đại Chúng
Bảo Chấp Kim Cương Thủ
Mật Chủ Tát Đỏa (Vajrapāṇi-guhyādhipati) rằng:
“Có Pháp đồng **Đại Nhật**
Vật Như Lai trang nghiêm
Đồng Pháp Giới Tiêu Xí
Bồ Tát Ma Ha Tát
Do đầy trang nghiêm thân
Ở bên trong sinh tử
Trải qua các lối nẻo
Trần Sát Như Lai Hội
Dùng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi) này
Kế Đô (Ketu: cây phượng) mà dựng lập
Tiêu xí của Như Lai
Các Trời, Rồng, Dạ Xoa
Tám Bộ lễ từ xa
Nhận răn dạy, phụng hành
Nay ông hãy nghe kỹ!
Ta sẽ diễn nói cho”

_ **Mật Chủ** thành thính xong
Khi ấy **Bà Nga Tông** (Đức Thế Tôn)
Liên trụ ở nơi Thân
Tam Muội **Vô Hại Lực**
Do trụ ở Định ấy
Nói **Nhất Thiết Như Lai**
Vô Năng Chướng Ngại Thân
Vô Đẳng Tam Lực Minh
Liên nói **Minh Phi** (Vidyā-rājñī) là:
25. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A tam mê (2) đễ-lý tam mê (3)**
tam ma duệ (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम् ॐ नमोऽस्यै वसुधैव कुटुम्बकम्

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ASAME TRISAME SAMAYE
- SVĀHĀ

_ Kim Cương Bí Mật Chủ!
Minh Phi hay thị hiện
Tất cả **Như Lai Địa**
Chẳng vượt ba Pháp Giới
Mãn **Địa Ba La Mật**
Mật Ấn, tay Định (tay trái) Tuệ (tay phải)
Liên Hợp (chấp tay Liên Hoa) dựng hai Không (ngón cái).



Trán, vai, tim, huyệt, đỉnh
Ấn năm, tụng Minh Phi.
Đây **Nhất Thiết Chư Phật**
Cứu Thế chi Đại Ấn (Đại Ấn cứu thế của tất cả chư Phật)
Chính Giác Tam Muội Gia
Của chư Phật Cứu Thế
Ở Ấn này mà trụ

_ Tiếp **Pháp Giới Sinh Ấn**
Nên trụ ở chữ LA (𑖫 - RA)
Ấn Minh như trước nói

_ Tiếp **Chuyển Pháp Luân Ấn**
Đế tướng (chân thành tướng) **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Phong Luân (Vāyu-cakra), hạt giống **Gió** (𑖫 - HA)
Ấn Minh như **Sơ Hội** (Hội ban đầu)

_ Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát
Từ mọi **Tam Muội** này
Liên vào *chữ Vô Sinh* (𑖫 - A)
Trụ **Tâm Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi-citta)
Quán Thân như **Tất Đồa** (Vajra-satva)
Sắc tướng *Pha Lê biếc* (màu thủy tinh xanh biếc)
Trụ ở **Yết Ma Luân** (Karma-cakra)
Khắp cả thành vòng lửa (Diễm Man)
Tụng **Chân Ngôn Vương** dưới
Vuông, làm *Mạn Trà La* (Maṇḍala: Đàn)
Hai khuỷu tay làm lượng
Khác đây, chẳng tốt lành

_ Kệ tìm đất như Kinh
Điễm **Bạch Đàn** làm dấu
Hương hoa phụng hiến khắp
Trước trì **Biện Sự Minh**
A Xà Lê (Ācārye) truyền Pháp

Mới có thể ứng lầy
Tu Đa La năm màu (Pañca-varṇa-sutra: Chỉ ngũ sắc)
Cúi lạy tất cả Phật
Đại Tỳ Lô Giá Na
Gần gũi, tự gia trì

_ Bắt đầu từ phương Đông
Cầm chỉ đối diện nhau (đối trì Tu Đa La)
Ngang rón giảng trên không
Dẫn chuyển theo bên phải
Như vậy Nam rồi Tây
Cuối cùng ở phương Bắc

_ Thứ hai, an lập **Giới**
Cũng khởi từ *phương đầu* (phương Đông)
Nghĩ nhớ các Như Lai
Di chuyển như trên nói
Phương phải rồi phương sau
Lại vòng ở *Thắng phương* (phương Bắc)

_ A Xà Lê quay về
Y ở **Niết Lý Để** (Nairṛti: phương La Sát, phương Tây Nam)
Người Thọ Học đối trì
Dần dần đến phương Nam
Từ đây nhiều bên phải
Chuyển y ở *Phong phương* (Vāyu: phương Tây Bắc)

_ Đạo Sư dời Bản xứ
Đến ngụ ở *Hỏa phương* (Agni: Phương Đông Nam)
Trì Chân Ngôn Hành Giả
Lại tu Pháp như vậy
Đệ Tử ở Tây Nam
Thầy ở **Y Xá Ni** (Īsani: phương Đông Bắc)

Người Học lại nhiều quanh
Chuyển y ở *Hỏa phương* (phương Đông Nam)

_ Thầy dời khỏi bản xứ
Đến trụ ở *Phong phương* (phương Tây Bắc)
Như vậy Bắc Chân ngôn
Rộng làm Tướng bốn phương

_ Dân dân vào trong ấy
Chia làm ba vị trí
Biểu thị ba Phần Vị
Tướng đất rộng vòng khắp

_ Lại ở mỗi một phần
Sai biệt dùng làm ba
Trong đây phần Tối Sơ (ban đầu)
Nơi hành Đạo tác Nghiệp
Còn lại phần giữa, sau
Trú xứ của **Thánh Thiên**
Nên biết phân chia đều
Thành Tâm dùng ân trọng
Vận bày các Thánh Tôn

Nhìn kỹ A Xà Lê
 Chính Thọ tạo mọi tướng
 Đều đặn khéo phân biệt
 _ Nội Tâm: Sen trắng diêu
 Trong Tạng tạo **Nhất Thiết**
Bi Sinh Mạn Trà La
 Mười sáu **Ượng Câu Lê** (lượng bằng 16 ngón tay duỗi ra)
 Hơn đây làm số lượng
 Tám cánh thật tròn đầy
 Râu nhụy đều tươi tốt
Trí Ẩn của Kim Cương
 Lộ khắp các mặt cánh
 _ Từ trong đài hoa này
 Hiện **Đại Nhật Thăng Tôn**
 Màu vàng rờng rục rờ
 Đầu đội mào tóc kết
 Cứu Thế Viên Mãn Quang
 Ly Nhiệt trụ Tam Muội
 _ Nhóm *bốn Trí, bốn Hạnh*
 Trong *tám Bí* (8 Ẩn bí mật) diễn nói
 Trên Đại Nhật Như Lai
 Các quyển thuộc Tam Muội
 Từ phương Đông vẽ làm
 Tất cả **Biến Tri Ẩn**
 Tam giác trên hoa sen
 Màu sắc đều trắng tươi
 Ánh lửa vây chung quanh
 Trong sáng rộng vòng khắp
 Ngọn sắc bén hướng xuống
 Phật ngồi dưới **Đạo Thụ** (cây Bồ Đề)
 Trì đây, giáng Bốn Ma
 Nên hiệu: **Biến Tri Ẩn**
 Hay đủ nhiều Công Đức
 Sinh mọi **Tam Muội Vương.....**
 _ Tiếp ở góc phía Bắc (Bắc duy)
 Đạo Sư, các Phật Mẫu
 Màu vàng rờng lóng lánh
 Dùng lụa trắng làm áo
 Chiều khắp như mặt trời
 Chính Thọ trụ Tam Muội
Phật Mẫu Hư Không Nhân
 Chân Ngôn là:

26. “**N**ăng mặc tam mẫi đả mặc đả nam (1) nga nga nặng phợc la lạc khẩt-xoa nặi (2) nga nga nặng sa ma duệ (3) tắc phợc đổ ốt-nga đá (4) tỳ sa la tam bà phệ (5) nhập phợc-la nan ma mặc khư nặng (6) sa phợc-hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तत्र च त्रैलोक्ये तत्र च सम्यक्
 बुद्धाय नमः तत्र च त्रैलोक्ये तत्र च सम्यक् बुद्धाय

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢAṆE
- GAGANA SAMAYE - SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE -
JVALA - NAMO AMOGHĀNĀM - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 bàn tay) Quy Mệnh Chương
Phong (ngón trỏ) vịn gia trên Không (Ngón cái)
Hình ấy như **Khế Già** (Khaḍga: cây đao)



Đại Tuệ Đao Ấn này

Tất cả Phật đã nói

Hay cắt đứt các **Kiến** (Dr̥ṣṭi)

Là đều sinh **Thân Kiến** (Satkāya-dr̥ṣṭi: Ở thân chấp cái Ta có thật)

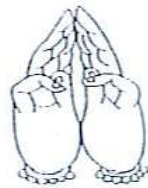
Chân Ngôn là:

27. “**N**ăng mạt tam mãn đa một đà nam (1) ma hạ khiết nga vĩ la nhạ (2)
đạt ma tán nại la-xả ca sa hạ nhạ (3) tát ca dã nại-lệ sắt-trí tra-duệ nặc ca (4) đát
tha nghiệt đa, a địa mục khắt-đề nễ-dực xả đa (5) vĩ la nga đạt ma nễ-dực xá đa,
hồng (6)”

ॐ: मम न वृक्षस्य मन्त्र इत्यत्र (अ) इत्यस्य वृक्ष मन्त्रस्य मन्त्रस्य
मन्त्रस्य वृक्षस्य मन्त्रस्य मन्त्रस्य मन्त्रस्य मन्त्रस्य मन्त्रस्य मन्त्रस्य

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA
DHARMA SAṂDARŚAKA SAHAJA SATKĀYA-DR̥ṢṬI CCHEDAKA_
TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA _ VIRĀGA DHARMA NIRJĀTA _ HŪM

_ Chắp hai tay giữa rỗng
Co Phong (ngón trỏ) quặp lấy Không (ngón cái)
Hình như đấng **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)
Đây, tên là **Thắng Nguyên**
Cát Tường Pháp Loa Ấn



Chư Phật, Thầy của đời

Bồ Tát, Đấng Cứu Thế

Đều nói Pháp **vô Cấu** (không dơ bản)

Đến **Niết Bàn** Tịch Tĩnh

Chân Ngôn là:

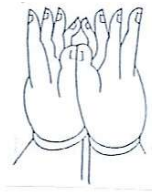
28. “**N**ăng mạt tam mãn đa một đà nam (1) **Ám**”

ॐ: मम न वृक्षस्य मन्त्र

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AM

_ Chắp hai tay duỗi tán
Giống như **Kiện Tra** (Ghaṁṭa: cái chuông) trước

Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều giữ nhau
Khiến hợp đầu Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa)



Cát Tường Nguyên Liên Hoa

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Toà Kim Cương Bất Hoại

Giác ngộ gọi là Phật

Bồ Đề (Bodhi) cùng **Phật Tử** (Buddha-putra)

Thầy đều từ đây sinh

Chân Ngôn là:

29. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) A”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अह

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AḤ

_ Hai tay nắm quyền ngoài (Ngoại quyền)

Duỗi Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) đều hợp cứng

Hình như **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)



Kim Cương Đại Tuệ Ấn

Hay hoại Thành (cái Thành) Vô Trí

Đánh thức kẻ say ngủ

Trời, Người chẳng thể hoại

Chân Ngôn là:

30. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn. Hồng”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् हुम्

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM _HŪM

_ Hai tay nắm quyền Trong (Nội quyền)

Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) đều hợp dựng

Co Phong (ngón trỏ) giữ nơi Hỏa (ngón giữa)

Hình tựa viên ngọc báu



Ấn này: **Ấn Ma Ha** (Đại Á

Ấy là Như Lai Đỉnh

Chân Ngôn là:

34. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) nhĩ ná nhĩ ná (3) bệ dā, na xa ná (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्तबुद्धानाम सरवथा जिना जिना भया नासना स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARVATHĀ - JINA JINA - BHAYA NĀŚANA - SVĀHĀ

_ Định Tuệ (2 tay) lại như trước

Tuệ (tay phải) rũ xuống **Thí Nguyện** (Varada)

Ấn Dữ Nguyện (Varada-mudra) như vậy



Bậc **Thế Y** đã nói

Vừa mới kết Ấn này

Chư Phật mãn Nguyện ấy

Chân Ngôn là:

35. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc la ná phộc nhật-la đát-ma ca (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्तबुद्धानाम वरदा वाज्रात्मका स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADA VAJRA ATMAKA - SVĀHĀ

_ Tuệ quyền (Quyền phải) duỗi Phong Luân (ngón trỏ)

Làm hình **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkuti: nhãn mày)

Trụ ở Tướng **Đẳng Dẫn** (Samāhita)



Dùng Đại Ấn như vậy

Chư Phật, Đấng Cứu Thế

Khủng bố các điều Chướng

Tùy ý thành **Tất Địa** (Siddhi)

Bởi vì kết Ấn đó

Chúng Ma quân đại ác

Với các điều Chướng khác

Chạy tan, không thể nghi

Đặt đầu Phong (ngón trỏ) Tam Tinh

Chân Ngôn là:

36. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma ha ma la phộc đề (2) nại xa phộc lộ nạp-bà phệ, ma ha mỗi đát-lý dā (3) tỳ-dữu nột-nghiệt đề (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् मन् वल वरम् दमि वल्लक्ष्णम् मन्
श्रीशुभशुभं सुदम्

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-BALA VATI DAŚA-BALA UDBHAVE - MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE - SVĀHĀ

Tuệ quyền (quyền phải) duỗi Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa)
Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đè Không Luân (ngón cái)



Đây, tên **Nhất Thiết Phật**
Thế Y Bi Sinh Nhân

Tượng đặt ở **Nhãn Giới** (Cakṣu-dhātu)

Bậc Trí thành **mắt Phật** (Buddha-cakṣu)

Chân Ngôn là: (lúc Quán Định thì dùng mở mắt)

37. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga năng phộc la, lạc**
khất-xoa ninh (2) ca lỗ ninh ma gia (3) đát tha nghiệt đa chước khất-sô (4) sa-
phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् गगन वर लक्ष्णम् करुण मयम् गणगण
वक्ष्णम् सुदम्

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUNI-MAYA - TATHĀGATA-CAKṢU - SVĀHĀ

Định Tuệ (2 tay) nắm quyền Trong (Nội quyền)
Duỗi Phong (ngón trỏ) hợp đầu tròn



Thắng Nguyên Sách Ấn này

Hoại các loài tạo ác

Bậc Chân Ngôn kết Ấn

Hay cột các **Bất Thiện** (Akusāla)

Chân Ngôn là:

38. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ hệ ma ha bá xa (2) bát-la sa**
lao niết lý-dã (3) tát đỏa đà đố (4) vĩ mô ha ca (5) đát tha nghiệt đa địa mục khất-
để nễ tá đa (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् हे हे मन् धमि चमत्तयु सर्वदु
श्मन्तम् गणगणधमि शुभं सुदम्

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HE HE MAHĀ-PĀŚA-PRASARA UDĀRYA SATVA-DHĀTU VIMOHAKA - TATHĀGATĀ ADHIMUKTI NIRJĀTA - SVĀHĀ

Định Tuệ (2 tay) hợp thành quyền
Tuệ (tay phải) co Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Tên gọi là **Câu Ân**
Chư Phật, Đấng Cứu Thế
Triệu Tập ở tất cả
Trụ ở **mười Địa Vị** (Daśa-bhūmi)
Bậc **Bồ Đề Đại Tâm**
Với chúng sinh nghĩ ác
Tùy **Triệu** đều phó tập
Chân Ngôn là:

39. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A, tát phộc đát-la bát-la để ha đế (2) đát tha nghiệt đăng củ xa (3) mạo địa chiết lý-gia, bả lý bố la ca (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय ॐ सर्वत्रापरातिहते
परिपूर्यते स्वहा

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AḤ SARVATRA APRATIHATE
TATHĀGATA AMKUSA BODHICĀRYA PARIPŪRAKA SVĀHĀ

Ân trước duỗi Hỏa (ngón giữa) co
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) như móc câu



Đáy, tên **Nhu Lai Tâm**
Chân Ngôn là:

40. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) chỉ nhưõng nộ nạp-bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय ॐ ज्ञाना उद्भवा - स्वहा

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - JÑĀNA UDBHAVA - SVĀHĀ

Quyền trước thâu Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)
Duỗi Thủy (ngón vô danh) **Nhu Lai Tề** (cái rốn của Nhu Lai)



Tức Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) trước
Duỗi tán, **Nhu Lai Yêu** (eo lưng của Nhu Lai)



Hai Ân đều Trì Minh

Hai Chân Ngôn ấy là:

(Yêu hoặc Nội Phộc Quyên kèm 2 Thủy (ngón vô danh) duỗi hợp)

Như Lai Tề Chân Ngôn

41. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A một-lý đô nạp-bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सप्तम्य वृक्षस्य त्रिभुवनस्य सुखस्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AMṚTA UDBHAVA SVĀHĀ

Như Lai Yêu Chân Ngôn:

42. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa tam bà phộc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सप्तम्य वृक्षस्य तथगतसंभवस्य सुखस्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TATHĀGATA SAMBHAVA - SVĀHĀ

_ Chắp hai tay giữa rỗng

Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vào trong

Hoả (ngón giữa) hợp Không (ngón cái) cũng vậy

Hợp Địa (ngón út) khiến hơi co



Đây, tên **Như Lai Tạng**

Chân Ngôn là:

43. “**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dã (1) Lam Lam, Lạc Lạc (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सर्व तथगतेभ्यस्य रं रं ः ः सुखस्य

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ - RAṀ RAṀ _ RAḤ RAḤ - SVĀHĀ

_ Ấn trước tán duỗi Thủy (ngón vô danh)



Tức tên **Đại Kết Giới**

_ Tiếp **Vô Kham Nhân Ấn**
 Bạc **Đại Lực Đại Hộ**
 Liền dùng Ấn Tướng trước
 Hỏa (ngón giữa) móc đầu co hợp
 Duỗi Phong (ngón trỏ), còn giống trước



Chân Ngôn hai Ấn là:
 (Đại Kết Giới):

44. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Lệ lỗ bồ lý, vĩ củ lý vĩ củ lệ (2) sa-phộc hạ**”

नमः समन्त बुद्धानाम् लेल्लुपुरि विकुले

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - LELLUPURI VIKULE VIKULE - SVĀHĀ

_ **Vô Kham Nhân Đại Hộ Chân Ngôn** là:

45. “**Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tệt (1) tát phộc bội dã vĩ nghiệt đế tệt (2) vĩ thấp-phộc mục khế tệt (3) tát phộc tha (4) Hàm khiếm (5) la khát-xoa ma ha ma lệ (6) tát phộc đát tha nghiệt đa, bôn ni-dã niết tá đế (7) Hông Hông (8) Đát-la tra, đát-la tra (9) A bát la để ha để (10) sa-phộc hạ**”

नमः सर्वे भगवतः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः सर्वे भयविनाशकः

↳ NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA BHAYA VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAṀ KHAṀ RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA PUṆYA NIRJĀTE HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬE SVĀHĀ

_ Tiếp nói **Phổ Quang Ấn**

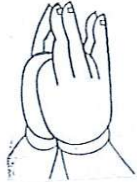
Dưa trước, Không (ngón cái) vào Nguyệt (lòng bàn tay)
 Mở Phong (ngón trỏ) như phóng quang



_ Chắp tay giữa trống không
 Hai Phong (ngón trỏ) giữ cạnh Hỏa (ngón giữa)
Tên Như Lai Giáp Ấn



_ Tiếp nói **Nhĩ Hạ Phộc** (Jihva: Như Lai Thiệt)
 Dưa Như Lai Giáp trước
 Không (ngón cái) đè móng hai Thủy (ngón vô danh)
Nhĩ Hạ Phộc Xúc Ấn
 Với Xúc Tập Chân Ngôn



_ **Ngũ Môn**, chắp tay rộng
 Co Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) vịn nhau
 Kèm hai Không (ngón cái) hơi co
 Địa (ngón út) Hỏa (ngón giữa) khiến thành ngọn



Hoặc nói co Địa (ngón út) Thủy (Ngón vô danh)
 Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) như ngọn núi
 Mở hai Không (ngón cái) phụ đầy

_ Năm Ấn bốn Chân Ngôn
 Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Phổ Quang:**

46. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **N**hập-phộc la ma lý nễ (2) **đ**át tha nghiệt đa lật-chỉ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् ज्वला मालिनी नृपतगणेशाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ JVĀLA-MĀLINI TATHĀGATA ARCI_ SVĀHĀ

_ **Như Lai Giáp:**

47. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **b**át-la chiến noa (2) **p**hộc nhật-la, **n**hập-phộc la dã (3) **v**ĩ tát-bố la, **h**ồng (4)”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् प्रकाशा वाज्रज्वला विश्वरूपाय नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ PRAKAṢA VAJRA-JVĀLA VISPHURA_ HŪM

_ **Như Lai Thiệt :**

48. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) **đ**át tha nghiệt đa **n**hĩ ha-phộc (2) **t**át đễ-dã **đ**ạt ma, **b**át-la đễ sắt-xỉ đa (3) sa-phộc hạ”

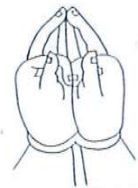
नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तथगतैः कुरु मया प्रथमं प्रणमनं सुदं ५
 ↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA _ SVĀHĀ

Như Lai Ngữ :

49. “**N**ăng mặc tam mẫn đả một đả nam (1) đát tha nghiệc đả, ma ha phộc cậc đát-la (2) vĩ thấp-phoc chỉ-nhạ nắng ma hộ na đả (3) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तथगतैः मया प्रथमं प्रणमनं सुदं ५
 ↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA VIŚVA JÑĀNĀM MAHODAYA _ SVĀHĀ

Tiếp Nha đồng Ngũ Môn
 Phong (ngón trỏ) co lỏng thứ ba
 Vào chưởng khiến hợp nhau



Biện Thuyết đồng với Nha
 Dòi Phong Luân (ngón trỏ) hướng lên
 Đặt trên lỏng ba Hòa (ngón giữa)



Chân Ngôn hai Ấn là:
 (Như Lai Nha)

50. “**N**ăng mặc tam mẫn đả một đả nam (1) đát tha nghiệc đả nắng sắc-tra-la (2) sa la sa ngậc-la (3) tham bát-la bác ca (4) tát phộc đát tha nghiệc đả (5) vĩ sái đả tham bà phộc (6) sa-phộc hạ”

नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तथगतैः संज्ञं रस रसयं संस्यक्तं सत् नमः तथगतैः अथ संस्यक्तं सुदं ५
 ↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA-DAMṢṬRA-RASA RASA AGRA SAMPRĀPAKA _ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA _ SVĀHĀ

Như Lai Biện Thuyết :

51. “**N**ăng mặc tam mẫn đả một đả nam (1) A chấc đễ-đả ná-bộ đả (2) lộ bả phộc tam ma đả, bát-la bả-đả (3) vĩ thầu đả, sa-phộc la (4) sa-phộc hạ”

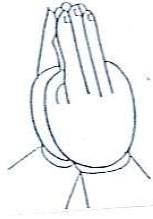
नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तथगतैः अथ संस्यक्तं सुदं तथगतैः अथ संस्यक्तं सुदं ५
 ↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK SAMANTA PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARĀ _ SVĀHĀ

– Tiếp nói **Phật Thập Lực**

Chấp hai tay giữa rỗng

Co Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào chưởng

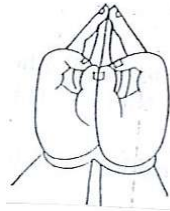
Trong Nguyệt (lòng bàn tay) cùng hợp lóng



– **Niệm Xứ** đồng Thập Lực

Co cả hai Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ)

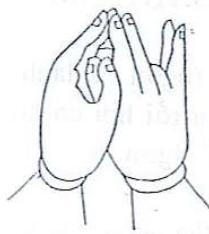
Khiến lóng trên hợp nhau



– Tiếp bày **Khai Ngộ Ân**

Ấn trước, Không (ngón cái) trên Thủy (ngón vô danh)

Ngón khác kèm duỗi hợp



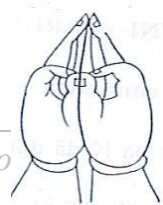
– **Phổ Hiền Như Ý Châu**

Hư hợp (chấp tay giữa rỗng) Phong (ngón trỏ) trên Hỏa (ngón giữa)



– **Từ Thị Ân** giống trước

Co Phong (ngón trỏ) dưới Hỏa luân (ngón giữa)



Chân Ngôn năm Ấn là:

Như Lai Trì Thập Lực :

52. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) nại xa ma lãng già đạt la (2) Hồng Tham nhiêm (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ DAŚA-BALĀMGA DHĀRA_ HŪM SAṀ JAM_ SVĀHĀ

Như Lai Niệm Xứ :

53. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đa sa một-lý đề (2) tát đát-phộc hệ đá tệt nột-nghiệt đa (3) nga nga năng, tam ma tam ma (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ TATHĀGATA-SMṚTI SATVA HĪTA ABHYUDGATA_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

Bình Đẳng Khai Ngộ :

54. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc đạt ma tam ma đá, bát-la bát-đa (2) đát tha nghiệt đá nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA DHARMA SAMATĀ PRĀPTA_ TATHĀGATA ANUGATA_ SVĀHĀ

Phổ Hiền Như Ý Châu:

55. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tam mãn đa nỗ nghiệt đa (2) vĩ la nhạ đạt ma nễ nhạ đa (3) ma ha ma ha (4) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJĀTA_ MAHĀ MAHĀ_ SVĀHĀ

Từ Thị Bồ Tát :

56. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A nhĩ đản, nhạ dã (2) tát phộc tát đát-phộc xả dạ nỗ nghiệt đa (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक्संबुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥ ॐ नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AJITAM JAYA_ SARVA SATVA AŚAYA ANUGATA_ SVĀHĀ

Lại ở phương Nam kia

Cứu Thế Phật Bồ Tát

Đại Đức Thánh Tôn Ấn

Tên hiệu: **Mãn Chúng Nguyễn**

Chân Đá Ma Ni Bảo

Trụ ở trên sen trắng
Trí Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) trụ my (Tam Tinh)



Hai Ân Phổ Thông trước
Ba Chân Ngôn ấy là:

Nhất Thiết Bồ Tát:

57. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc tha (2) vĩ ma đề (3) vĩ
chỉ la noa (4) đật ma đà đồ, niết-dục nhạ đa (5) tam tam ha (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KA_ SARVATHĀ VIMATI
VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HĀ SVĀHĀ

Nhất Thiết Chư Phật Tâm:

58. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc một đà, mạo địa tát
đát-phộc (2) hệt-lý ná dã (3) nại-lý phệ xả nễ (4) năng mặc tát phộc vị nễ (5) sa-
phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AṂ SARVA BUDDHĀ
BODHISATVA HRDAYAṂ NYĀVEŚANI _ NAMAḤ SARVA VIDE
SVĀHĀ

Hào Tướng:

59. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phộc la nê, phộc phộc (2) bát-
la ba-đa Hồng (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥ ॐ नमो भगवते बुद्धाय नमो ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VARADE VARA PRĀPTA
HŪM - SVĀHĀ

_ Tiếp, ở Thảng phương (phương Bắc) ấy

Liên Hoa Đại Tinh Tiên

Tự Tại Quán Thế Am (Avalokiteśvara)

Hào quang như trăng trong

Thương Khư (Śaṅkha: vỏ ốc màu lông lánh) **Hoa Quân Na** (loại hoa có màu
trắng tươi)

Ngồi sen trắng, mỉm cười

Kê (búi tóc) hiện **Vô Lượng Thọ (Amitāyus)**

_ Bên phải: Đại Danh Xưng

Thánh Giả **Đa La Tôn (Tārā-nātha)**

Màu xanh trắng xen lẫn

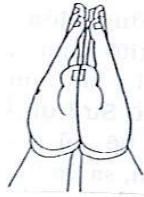
Trạng người nữ trung niên
 Chắp tay cầm sen xanh
 Hào quang tròn soi khắp
 Sáng rực như vàng ròng
 Áo trắng tươi, mỉm cười
 _ Tiếp Tả (bên trái) **Tỳ Câu Chi** (Bhṛkūti)
 Tay rữ lần *Tràng Hạt* (Mālā)
 Ba mắt, tóc đỉnh kết
 Thân hình như lụa trắng
 Màu hào quang không chủ
 Vàng, đỏ, trắng cùng vào
 _ Tiếp **Đắc Đại Thế Chí** (Mahā-sthāma-prāpta)
 Mặc áo màu Thương Khư (màu trắng ónh ánh)
 Tay hoa sen Đại Bi
 Tốt tươi chưa hé nở
 Hào quang tròn vây quanh
 _ Minh Phi trụ bên cạnh
 Hiệu: **Tri Danh Xung Giả**
 Tất cả Diệu Anh Lạc
 Trang nghiêm thân sắc vàng
 Cầm cành hoa tươi đẹp
 Tả (tay trái) cầm **Bát Độn Ngô** (loài hoa ở phương Tây có màu vàng nhạt)
 _ Tiếp, gần Thánh Đa La
 Nên quán **Bạch Xứ Tôn** (Pāṇḍara-vāsini)
 Mão tóc, áo thuần trắng
 Tay hoa **Bát Đàm Ma** (Padma: Hoa sen hồng)
 _ Ở trước Thánh Giả, làm
 Đại Lực Tri Minh Vương
 Màu như ánh nắng sớm
 Dùng sen trắng nghiêm thân
 Hác dịch thành tóc lửa
 Gầm giận lộ răng nanh
 Hiện móng vuốt Thú vương
Hạ dã ngật lý phộc (Hayagrīva: Mã Đầu)
 _ Nghi quỹ của Thân Tướng
 Quyền thuộc Đại Tinh Tiên
 Tiếp nên bày tám Mật
 _ Mười ngón mở ngửa ra
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau
Đa La (Tārā) Nội Xoa Quyền
 Phong (ngón trỏ) như Kim, Không (ngón cái) phụ



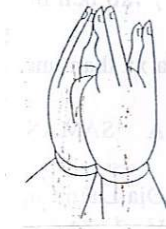
Tỳ Câu Chi (Bhṛkūti) Phong (ngón trỏ) giao



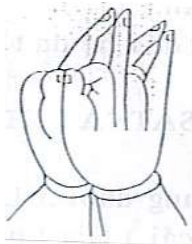
Đại Thế (Mahā-sthāma-prāpta) hợp Thiên Trí (2 bàn tay)
Giống như sen chưa nở



Bạch Xứ (Pāṇḍara-vāsini) đồng Ấn trước
Dời Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)



Mã Đầu (Hayagrīva) tức Ấn trước
Co Phong (ngón trỏ) dưới Không Luân (ngón cái)
Cách nhau như hạt thóc
Xung là: **Sa ma tha** (Samatha)
Nâng lên, co Phong Luân (ngón trỏ)



Địa Tạng (Kṣiti-garbha) đồng Mã Đầu
Duỗi Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) dư Quyền (các ngón còn lại nắm quyền)



नमः समान बुद्धानाम हृदयैः सुखैः सुखैः सुखैः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM KHĀDAYA BHAMJA SPHAṬYA - SVĀHĀ

Địa Tạng:

67. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hạ Hạ Hạ, tổ đát nồ (2) sa-phộc hạ**”

नमः समान बुद्धानाम हृदयैः सुखैः सुखैः सुखैः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HA HA HA _ SUTANU - SVĀHĀ

Đã nói Giới Vực đầu

Phương vị các Tôn xong

Đại Tâm Ma Ha Tát

Nên đến Viện thứ ba

Trong phương **Nhân Đà La** (Indra: phương Đông)

Trước an **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī)

Thân tướng màu vàng nghệ (uất kim)

Đỉnh Mào tóc năm Phật

Giống như hình Đồng tử

Tả (tay trái) cầm hoa sen xanh

Trên có **Kim Cương Ấn**

Ngồi sen trắng, mỉm cười

Diệu tướng, hào quang tròn

Tỏa sáng đầy khắp cả

Hữu (bên phải) Quang Vãng Đồng Tử (Jālinī-prabha)

Mọi loại Anh Lạc đẹp

Cầm lưới, ngồi sen báu

Mà quán **Con Trưởng Phật**

Tả (bên trái) Vô Cầu Quang Tôn (Vimala-prabha)

Trái phải năm Sứ Giả

Ấy là **Kế Thiết Ni** (Keśini)

Ưu Bà Kế Thiết Ni (Upakeśini)

Chất Đa La (Citrā), **Địa Tuệ** (Vasu-mati)

Thỉnh Triệu (Ākarṣaṇī), năm Sứ Giả

Năm loại Phụng Giáo Giá

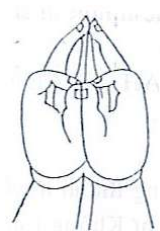
Thị vệ **Vô Thắng Trí** (Văn Thù Bồ Tát)

Văn Thù, tay Trí Định (2 bàn tay)

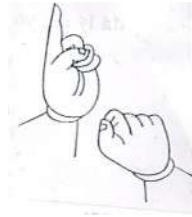
Hợp Hỏa (ngón giữa) để trên Thủy (ngón vô danh)

Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) như **chữ Phộc** (𑖓: VA)

Hợp khí tựa sen xanh



Quang Vĩng, Định (tay trái) nắm quyền
Co Phong (ngón trỏ) như thế móc



Vô Cấu đồng Ấn trước
Kèm năm Luân (5 ngón tay) hơi co



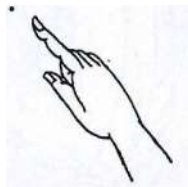
Kế Thiết Ni, Dao Ấn
Tuệ Quyền (quyền phải) dựng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)



Ưu Bà Thiết Ni, Kích (Kích ấn)
Quyền trước duỗi thẳng Hỏa (ngón giữa)



Chất Đa như cầm Trượng (cây gậy)



Địa Tuệ Tràng tay Định (tay trái)
Thành Quyền duỗi Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)



Thỉnh Triệu Đồng Tử Ân

Tuệ Quyền (quyền phải) Phong (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Ba Tôn, năm Sứ Giả

Chân Ngôn nhóm **Thỉnh Triệu**

Văn Thủ:

68. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la ca (2) vĩ mục cật-đề, **b**át tha tất-thể đa (3) sa-ma la, sa-ma la (4) **b**át-la đề nhiên (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धे नमः कुरु कुमारे नमः अक्षयि पक्षि अक्षयि नमः अक्षयि नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI PATHĀ STHITA_ SMARA SMARA PRĀTIJÑĀ _ SVĀHĀ

Quang Vông:

69. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma la (2) mang tam nghiệp-đa, sa-phộc bà phộc tất-thể đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धे नमः कुरु कुमारे नमः मङ्गलम् अक्षयि अक्षयि नमः अक्षयि

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

Vô Cầu Quang:

70. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **H**ệ củ ma la (2) vĩ tức đát-la nga đề củ ma la (3) ma nễ sa-ma la (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धे नमः कुरु कुमारे नमः अक्षयि पक्षि अक्षयि नमः अक्षयि

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE KUMĀRA_ VICITRA GATI_ KUMĀRAM- ANUSMARA_ SVĀHĀ

Ké Thiết Ni:

71. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **H**ệ hệ củ ma lý ké (2) na da chỉ nễ-dã nan sa-ma la (3) **b**át-la đề nhiên (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धे नमः कुरु कुमारे नमः अक्षयि अक्षयि नमः अक्षयि अक्षयि नमः अक्षयि

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE HE KUMĀRIKE DAYĀJÑĀNĀM _ SMARA PRĀTIJÑĀM_ SVĀHĀ

Uu Bà Ké Thiết Ni:

72. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **t**àn ná dã chỉ nễ-dã nan (2) **H**ệ củ mang lý ké (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धे नमः कुरु कुमारे नमः अक्षयि अक्षयि नमः अक्षयि

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ BHINDHAYA AJÑĀNĀM _ HE KUMĀRIKE _ SVĀHĀ

Chát Đa:

“Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nhĩ lý (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः (मृदु वसु नमः) ॐ नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ MILI CITRA _ SVĀHĀ

Tài Tuệ

73. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ lý (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः (मृदु वसु नमः) ॐ नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HILI HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Địa Tuệ Tràng:

74. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệ sa-ma la nhạ năng kế đồ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः (मृदु वसु नमः) ॐ नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE SMARA JÑĀNA-KETU _ SVĀHĀ

Triệu Thịnh Đồng Tử:

75. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A yết la-sái dã (2) Tát tông củ lỗ A nhiên (3) củ ma la tả (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः (मृदु वसु नमः) ॐ नमः

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAM KUMĀRASYA _ SVĀHĀ

Hành Giả ở phương phải

Trước làm Đại Danh Xung

Trừ Cái Chướng Bỏ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkambhi)

Cầm giữ báu Như Ý

Bỏ ở hai phần vị

Nên đặt Tám Bỏ Tát

Ấy là **Trừ Nghi Quái** (Kauṭūhala)

Vô Úy (Abhayaṃ-dada), **Trừ Ác Thú** (Apayāṃ-jaha)

Cứu Hộ (Paritrāṇāsāyamati), **Đại Từ Sinh** (Mahā-maitriyābhyudgata)

Bi Niệm (Mahā-kāruṇāmṛḍita), **Trừ Nhiệt não** (Sarva daha-prasāmin)

Nhóm **Bất Tư Nghị Tuệ** (Acintya-mati)

Trừ Cái, hợp Định Tuệ (chấp hai tay lại)

Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) Không (ngón cái) vào chướng (lòng bàn tay)



Trừ Nghi, Định Tuệ Quyên
Duỗi Hỏa (ngón giữa) co lỏng ba



Tỳ Bát (Tay phải): **Thí Vô Úy**
Tức tên **Vô Úy Ấn**



Nâng Tuệ (tay phải) duỗi năm Luân (5 ngón tay)
Là **Trừ Ác Thú Ấn**



Ấn trước đê ở Tim
Tức tên **Cứu Hộ Tuệ**



Tay Trí (tay phải) dạng cầm hoa
Đây tức **Đại Từ Sinh**



Tuệ (tay phải) co Hỏa (ngón giữa) đê Tim
Đây tên **Bi Niệm Giả**



Trừ Nhiệt Não, tay Tuệ (tay phải)
Dưới tác Thí Nguyên Ấn



Bát Tư Nghị Tuệ Ân

Tuệ (tay phải) Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) giữ nhau
Dạng **Chân Đà Ma Ni** (Cintāmaṇi: ngọc Như Ý)



Tiếp tập chín Chân Ngôn

Trừ Cái:

**76. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tát đát-phộc hệ đa tỳ-dữu ốt
nghiệt đa (2) đát-lam đát-lam, lam lam (3) sa-phộc hạ”**

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖘 𑖀𑖄 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ĀḤ SATVA HĪTA
ABHYUDGATA TRĀM TRĀM RAṀ RAM SVĀHĀ

Trừ Nghi Quái:

**77. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ ma để xể nặc ca (2) sa-phộc
hạ”**

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIMATI CCHEDAKA_
SVĀHĀ

Thí Vô Ủy:

**78. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A bộ diên ná ná (2) sa-phộc
hạ”**

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHAYAMDĀDA SVĀHĀ

Trừ Ác Thú:

**79. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tệt đạt la ninh (2) tát đát-
phộc đà đôn (3) sa-phộc hạ”**

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHYUDDHARAṀI SATVA-
DHĀTU SVĀHĀ

Cứu Hộ Tuệ:

**80. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hệt ma hạ ma hạ (2) sa-ma la
bát-la để nhiên (3) sa-phộc hạ”**

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘 𑖀𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘𑖄𑖘

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE MAHĀ MAHĀ SMARA
PRATIJÑAM SVĀHĀ

Từ Sinh:

81. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) sa-phộc tái cấu ốt-nghiệt đa (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय स्वचित्त उदगताय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SVACITTA UDGATA_ SVĀHĀ

Bi Niệm:

82. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) ca lỗ ninh một-lệ ni đa (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय करुणामृदिताय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KĀRUṆĀMRĪDITA_ SVĀHĀ

Trừ Nhiệt:

83. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hê phộc la ná phộc la (2) bát-la ba-đa (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय हे वारदाय वारप्रदाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE VARADA_ VARA PRĀPTA_ SVĀHĀ

Bất Tư Nghị Tuệ:

84. “**N**ăng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc xả bả lý bố la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय सार्वसापरिपूरकाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVA ĀSA PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

Hành Giả ở Thăng phương (phương Bắc)

Địa Tạng Ma Ha Tát (Kṣīti-garbha-bodhisatva-mahāsatva)

Đất nhiều báu xen lẫn

Bốn báu làm hoa sen

Khéo nghiêm lệ *Thai lửa* (Diễm Thai)

Thánh Giả ở trong đó

Cùng vô lượng Bồ Tát

Bảo Chương (Ratnākara) và **Bảo Thủ** (Ratnapāṇi)

Trì Địa (Dharaṇimdhāra) **Bảo Ấn Thủ** (Ratnamudra-hasta-mudra)

Với **Phát Kiên Cố Ý** (Dṛḍhādhyāśaya)

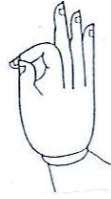
Ấn đầu (Địa Tạng Kỳ Ấn), Trí Định Quyền (hai tay nắm quyền)

Mở thẳng hai Hòa Luân (2 ngón giữa)



Bảo Xứ, Tuệ thành quyền (Quyền phải)

Duỗi bung tán ba Luân (ngón út, vô danh, giữa)



Bảo Thủ, dùng quyền Trước
Thu ngón khác, duỗi Thủy (ngón vô danh)



Định Tuệ (2 tay) cùng hợp lưng
Không (ngón cái) Địa (ngón út) trợ giữ nhau
Đây là **Trì Địa Ấn**



Dùng Ngũ Cổ Kịch trước
Tức tên **Bảo Ấn Thủ**
Nhu **Kim Cương Kịch** trước
Đây tên Ấn thứ sáu



Mỗi một chân Ngôn là:

Địa Tạng:

85. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) hạ hạ hạ, vĩ sa-ma duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः नमः नमः विस्मये सुखे ॥

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA VISMAYE_ SVĀHĀ

Bảo Xứ:

86. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Hê ma hạ ma hạ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः महे महे सुखे ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HE MAHĀ MAHĀ _ SVĀHĀ

Bảo Chương:

87. “**N**ặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) la **đ**át-nộ ốt bà-phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ RATNA UDBHAVA _ SVĀHĀ

Tri Địa:

88. “**N**ặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) **đ**à la ni **đ**à la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ DHARAṆI DHĀRA _ SVĀHĀ

Bảo Ấn Thủ:

89. “**N**ặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) la **đ**át-ná nễ la-nhĩ **đ**à (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ RATNA NIRJĀTA _ SVĀHĀ

Kiên Cố:

90. “**N**ặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) **Ph**ộc nhật-la tam bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॥ ॐ नमः ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VAJRA SAMBHAVĀ _ SVĀHĀ

Lại đến ở Long phương (phương Tây)

Đế quán **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha)

Cần Dũng mặc áo trắng

Cầm **đ**ao sinh ánh lửa

Nơi **Ch**ính Giác sinh con

Cùng với các quyền thuộc

Vô Cầu (Gaganāmala), **Hư Không Tuệ** (Gagana-mati)

Thanh Tĩnh Tuệ (Vissuddhi-mati), **Hành Tuệ** (Caritra-mati)

An Tuệ (Sthira-mati), **xuất hiện Trí**

Ấn Liên Hoa, cầm chày

Sau, ba Ấn phổ thông

Như vậy các Bồ Tát

Trái phải nên an bày

Ấn đầu (Hư Không Tạng Ấn), hợ **Ph**ước Trí (chấp hai tay lại)

Phong (ngón trỏ) ở lóng trên **H**ỏa (ngón giữa)

Hai Không (2 ngón cái) vào trong **N**guyệt (lòng bàn tay)



_ Ấn tiếp (Hư Không Vô Cấu), Phong (ngón trỏ) đè Không (ngón cái)
Hợp Định Tuệ (2 bàn tay) bằng nhau



_ Tiếp ba, **Hư Không Tuệ**
Ấn dùng Chuyển Pháp Luân



_ Tiếp bốn (Thanh Tịnh Tuệ Ấn), dùng **Thương Khư** (Śaṅkha: Loa Ấn)



_ **Hành Tuệ** hợp hai Vũ (hai bàn tay)
Ngửa sáu ngón như sen (2 vô danh, 2 giữa, 2 trỏ)



_ **An Tuệ** đồng Văn Thù



Tám Ấn với Chân Ngôn
Thứ tự mà xưng tụng
Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Hư Không Tạng:**

91. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A ca xá tam mãn đa nỗ nghịet
đa (2) vĩ tức đát-lam, phộc la đạt la (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ĀKĀŚA SAMANTA
ANUGATA VICITRĀM VARA DHARA_ SVĀHĀ

Vô Cấu:

92. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Nga nga nằng nan đa ngu tả la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः गगनानन्तगोचरस्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA ANANTA GOCARA _ SVĀHĀ

Hư Không Tuệ:

93. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tác ngật-la phộc lợi-để (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः चक्रवर्तिस्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

Thanh Tịnh Tuệ:

94. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Đạt ma tam bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः धर्मसंभवस्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHARMA SAMBHAVA _ SVĀHĀ

Hành Tuệ:

95. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) bát đàm-ma la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः पद्मलयास्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PADMA ALAYA_ SVĀHĀ

An Trụ Tuệ:

96. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) nhạ nố ốt-bà phộc (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ज्ञानुद्भवास्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA UDBHAVA _ SVĀHĀ

Xuất Hiện Trí:

97. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la, tất-thể la, một đệ (2) bố la-phộc phộc, đát-ma, mãn đát-la, sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः वज्रक्षिरवृक्षस्थिमयसूरस्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAJRA-STHIRA BUDDHE PŪRVARA-ATMA MANTRA SARA _ SVĀHĀ

Liên Hoa:

98. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Câu phộc lệ dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः कुवलयस्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KUVALAYA_ SVĀHĀ

Chấp Xử: (cầm chày)

99. “**N**ặng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Phộc nhật-la ca la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमो सामन्तबुद्धानाम् वज्रकरे स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VAJRA KĀRA _ SVĀHĀ

_ Tiếp bên phải Đài Hoa

Phương trái của **Đại Nhật** (Vairocana)

Năng Mãn Nhất Thiết Nguyện

Trì Kim Cương Tuệ Giả [Đây chính là **Kim Cương Thủ** (Vajrapāṇi)]

Màu hoa *Bát Dạng Ngộ* (Priyaṅgu: màu vàng nhạt)

Hoặc như báu xanh lục (Lục Bảo)

Đầu đội mào trên bảo

Anh Lạc trang nghiêm thân

Xen lẫn cùng tô điểm

Số rộng nhiều vô lượng

Tả (tay trái) cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)

Chung quanh tỏa ánh lửa

_ Bên phải **Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha)

Bộ Mẫu **Mang Mãng Kê** (Māmaki)

Cũng cầm chày Kiên Tuệ

Dùng Anh lạc trang nghiêm thân

_ Bên trái (Māmaki) **Kim Cương Châm** (Vajra-sūci)

Chúng **Sứ Giả** (Ceta) vây quanh

Mím cười cùng chiêm ngưỡng

_ Tiếp phải, **Thương Yết La** (Śarṅkala)

Cầm cái khóa Kim Cương

Cùng các **Sứ Tự Bộ**

Thân tướng màu vàng lợt

Chày Trí làm Tiêu Xí (vật biểu tượng)

_ Tiếp ở dưới Mãn Nguyện

Phần Nộ Giáng Tam Thế (Krodha-trailokya-vijaya)

Hiệu là **Nguyệt Yêm Tôn** (Candratilaka) [Đây chính là Vajrahūṃkara]

Ba mắt lộ nanh bén

Màu mây mưa mùa hạ

Báu Kim Cương, Anh Lạc

Tiếng cười **A Tra Tra** (Aṭṭa)

Nhiếp hộ mọi chúng sinh

Vô lượng chúng vây quanh

Cho đến trăm ngàn tay

Cầm nắm mọi khí giới

Nhóm **Phần Nộ** như vậy

Đều trụ trong Hoa Sen

Phương Nam **Hội Mãn Nguyện**

Năm Đại Trì Minh Vương

_ Ấn đầu (Chấp Kim Cương Ấn): Nội Xoa Quyền

Dụng Hỏa (ngón giữa), Phong (ngón trỏ) như Câu (móc câu)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự kèm nhau



Bộ Mẫu (Mang Mãng Kê Ấn): Địa (ngón út) Không (ngón cái) nhập (ở bên trong)

Còn lại đều giống trước

Ngoại phộc (cài buộc bên ngoài) dựng Phong Luân (ngón trỏ)



Kim Cương Châm Mật Khê



Tỏa Khê, tay Phước Trí (2 bàn tay)

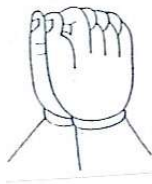
Móc ngược hướng Thân buộc

Duỗi Định Trí (ngón cái trái) để trên



Nguyệt Yểm: Không (ngón cái) phụ Phong (ngón trỏ)

Kèm duỗi chẳng dính nhau



Mỗi một Chân Ngôn là:

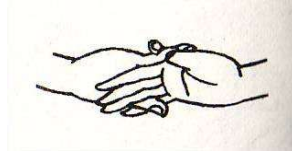
— **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva) là **Thượng Thủ** (Paramukha) của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kulāya)

100. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Phộc, phộc nhật-la bá ni (2) chiến noa ma hạ lộ sái noa (3) Hồng, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्तवज्रानाम् वज्रधर्मस्य वज्रपानिं चण्डामहारोषणं हुं स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - VAH - VAJRAPĀṆI CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA - HŪM - SVĀHĀ

101. **Mang Mãng Kê**:



_ **Nhất Thiết Kim Cương Trì** (Sarva Vajradhāra)

Giống **Khế Trì Địa** trước

Tất cả vị **Phụng Giáo** (Parivara)

Phước Trí Quyên như trên

Các Kim Cương như trên

Sắc hình đều khác biệt

Tỏa hào quang tròn khắp

Ở dưới Chân Ngôn Chủ

_ Y phương **Niết Ly Để** (Nṛti: phương Tây Nam)

Bất Động Như Lai Sứ

Tuệ (tay phải) Đao, Định (tay trái) sợi dây

Đỉnh tóc rũ vai trái

Nheo một mắt quán sát

Thân uy nộ rực lửa

Trụ ở bàn đá báu

Vấn trán dợn như sóng

Thân Đồng Tử khỏe mạnh

Bạc Cự Tuệ như vậy

Trì Ân bày **Chủng tử** (Bīja)

Mười chín chuyển thành Thân

Tất cả **Trời** (Deva), **Tô Lạc** (Asura)

Không dám nhìn thẳng vào

_ Phong phương (phương Tây Bắc) **Phần Nộ Tôn**

Ấy là **Thắng Tam Thế** (Trailokya Vijaya)

Lửa uy mãnh vây quanh

Mão báu, cầm Kim Cương

Chủng tử, chuyển trăm tám (108)

Mà thành Thân Phần Nộ

Chẳng tiếc Thân Mệnh mình

Chuyên cầu thỉnh, thọ Giáo

Bất Động Ân như trên

Tam Thế Thắng giống trên

Kim Cương Tuệ Nguyệt Yểm

Chân Ngôn Chủ, Quyên Thuộc

Bảy **Đại Kim Cương Sứ**

Mỗi một Chân Ngôn là:

_ **Phụng Giáo:**

105. “**Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A vĩ sa-ma dã ninh duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ: समं वृक्षं अस्मिन्मयं अस्मिन्मयं

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - AVISAMAYA NIYE - SVĀHĀ

Kim Cương Quyền:



106. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) tát-phả tra dã (2) phộc nhật-la tam bà phệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समग्र वज्रस्य सुहृद्य वज्र संस्रव्य सुहृत्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - SPHAṬAYA VAJRA SAMBHAVE_ SVĀHĀ

Trì Địa:

107. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) đạt la ni đạt la (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समग्र वज्रस्य धरणिधर्य सुहृत्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - DHARAṆI-DHĀRA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Trì Kim Cương:

108. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hông Hông Hông (2) phả-tra, phả-tra, niêm niêm (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समग्र वज्रस्य हुं हुं हुं ह्रुं ह्रुं ह्रुं संस्रव्य सुहृत्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HŪM HŪM HŪM_ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_ JAM JAM_ SVĀHĀ

Nhất Thiết Phụng Giáo:

109. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hê Hê, chỉ nhĩ la dã té (2) Ngật-lý hận-noa, Ngật-lý hận-noa (3) khư năng, khư năng (4) bát-lý bố la dã (5) tát phộc chỉ ca la noãn (6) tát phộc bát-la đề vĩ nhiên (7) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समग्र वज्रस्य हे हे किंचिरायसि ग्रह्ण ग्रह्ण खदा खदा परिपूरया सर्वा किंकराणाम् स्वप्रतिविज्ञाम् सुहृत्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HE HE_ KIMCIRĀYASI GRHṆA GRHṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIMKARĀṆAM_ SVĀPRATIVIJÑĀM_ SVĀHĀ

Bất Động:

110. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) chiến noa, ma hạ lộ sái noa (2) sa-phả tra dã (3) Hông, đát-la tra (4) Hám Hàm (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समग्र वज्रस्य वृ मन्त्रस्य सुहृद्य हुं व्रुं संस्रव्य सुहृत्

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬAYA HŪM TRĀṬ - HĀM MĀM - SVĀHĀ

Thắng Tam Thế:

111. “**Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hạ Hạ Hạ (2) vĩ sa-ma duệ (3) tát phộc đát tha nghiệt đa vĩ sái dã tam bà phộc (4) Đát-lạt lộ chỉ-dã, vĩ nhạ dã (5) Hồng nhạ (6) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समान्तवज्रानाम् हहहह विस्मये सर्वत्रिलोक्याविजया - हूम जाह - स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM - HA HA HA VISMAYE - SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA - TRAILOKYA-VIJAYA - HŪM JAḤ - SVĀHĀ

— Phương Đông, trong cửa đầu

Thích Ca (Śākya-muṇi) ngồi sen trắng

Băm hai (32 Tướng tốt) màu vàng tía (Tử Kim sắc)

Y phục, áo **cà sa** (Kāṣā)

Làm Giáo lệnh lưu bố

Trụ ở đây nói Pháp

Chúng Tam Muội vây quanh

— Tiếp, bên phải Mâu Ni

Hiện bày **Biển Tri Nhân** (Buddha-locana)

Tướng vui tươi mỉm cười

Khắp thể, sáng tròn sạch

Vui nhìn Thân Vô Tỷ (Không thể so sánh)

Tên là **Năng Tịch Mẫu** (Śākyamuṇi-Mātr)

— Lại bên phải Thế Tôn

Đặt ở **Hào Tướng Minh** (Tathāgatorṇā)

Trụ hoa Bát Đầu Ma (Padma: hoa sen hồng)

Viên quang (Hào quang tròn) màu Thương Khư (màu trắng lóng lánh)

Cầm giữ báu Như Ý

Mãn túc mọi ước nguyện

Ánh sáng Đại Tinh Tiến

Thích Sư Tử Cứu Thế (Śākya-simhena-tāyina)

— Bên trái năm Phật Đỉnh

Bạch Tản (Sitātapatroṣṇīṣa), **Thắng** (Jayoṣṇīṣa), **Tối Thắng** (Vijayoṣṇīṣa)

Hỏa Quang Tụ (Tejoraśi-uṣṇīṣa), **Trừ Chướng** (Vikiraṇoṣṇīṣa)

Thích chủng (hạt giống của Thích Ca) của **Đại Thừa** (Mahā-yāna)

Lại bên trái **Hào Tướng** (Ūṇā)

Đặt để ba Phật Đỉnh

Quảng Đại (Mahodgatoṣṇīṣa), **Cực Quảng Đại** (Abhyudgatoṣṇīṣa hay Atimahā-uṣṇīṣa)

Cùng với **Vô Biên Thanh** (Anantasvaraghosa-uṣṇīṣa)

Cần phải ở nơi ấy

Tinh Tiến một lòng tạo

Năm Trước: Trắng, vàng, vàng (vàng chói)

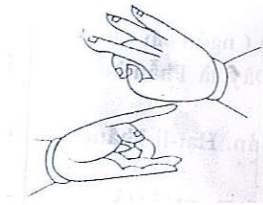
Tiếp ba: Trắng, Vàng, Đỏ

Quyền thuộc của Thích Ca

Mười hai Đại Sĩ Ấn

Mâu Ni: Tướng Thuyết Pháp

Tay Trí (tay phải) Ấn Cát Tường

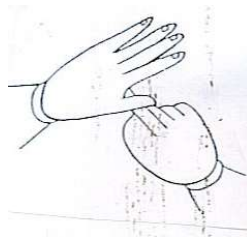


Mẫu Ấn đồng Phật Đỉnh
Gọi khác: Kim Cương Tiêu

Hào Tướng: dựng Trí Quyền (quyền phải)
Phong tiết (lóng tay của ngón trỏ) đặt trên My (Tam Tinh)



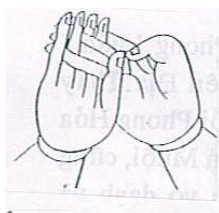
Bạch Tản: dựng Tuệ Phong (ngón trỏ phải)
Định chưởng (lòng bàn tay trái) che như lọng



Thăng Đỉnh: Đao Ấn trước



Tỏi Thẳng Ấn đồng Luân



_ Hỏa Tự đồng Phật Đỉnh



_ Xả Trừ: Trí thành Quyền (Quyền phải)
Cong Phong (ngón trỏ) như móc câu



_ Quảng Đại Phát Sinh Đỉnh
Cùng dùng Liên Hoa Ấn



_ Cực Quảng Phát Sinh Đỉnh
Ấn Ngũ Cổ Kim Cương



**_ Thủy (ngón vô danh) vào, Thiên Trí (2 ngón cái) hợp
Co Phong (ngón trỏ) giữ giữa Hỏa (ngón giữa)
Trên lóng dưới một mạch (hạt lúa mì)**



_ Vô Biên Âm Thanh Đỉnh

Thân Ấn đồng **Thương Khư** (Śaṅkha: loa)



Nhất Thiết Phật Đỉnh Ấn

Tay Tuệ (tay phải) chụm 5 ngón (đầu ngón tay)
Đặt ngay trên đỉnh đầu



Mỗi mỗi Chân ngôn là:

Thích Ca:

112. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tát phộc khất-ly xá nễ tổ nại năng (2) tát phộc đật ma phộc thủy đa, bát-la ba-đa (3) nga nga năng tam ma tam mê (4) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तत्रैव जितुं नमः तत्र वरि वरिः
पुत्रं पितृं सम्यक् नमः ॐ ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVA KLEŚA NIRSUDANA SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA GAḠANA SAMA ASAMA SVĀHĀ

Phật Mẫu:

113. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) một đà lộ tả nễ, phộc nỗ la ma, đật ma tam bà phộc, vĩ ca năng, tam tham, sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः बुद्धेयं विवर्तय विवर्तय वरि वरिः
सुखं ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BUDDHA-LOCANI VANURAMA DHARMA-SAMBHAVA VIKANA SAM SAM - SVĀHĀ

Hào Tướng:

114. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác, ngân, nhạ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ॐ ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AḤ HAḤ JAḤ - SVĀHĀ

Bạch Tản:

115. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Lam, tất đất đa bát đất-la, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः तत्रैव जितुं नमः तत्र वरि वरिः
सुखं ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM LAM SITĀTAPATRA-UṢNĪṢA SVĀHĀ

Thắng Đỉnh:

116. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thêm nhạ dữu, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚAM - JAYA-UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Tối Thắng:

117. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thí tử vĩ nhạ dữu ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं विजयं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚĪSĪ - VIJAYA-UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Hỏa Tự:

118. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) đát-lãng-án, đế nho la thí, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं तेजराशिं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - TRĪM - TEJORAŚI UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Xả Trừ:

119. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) hạ-lỗ-án, vĩ chỉ la noa, bán tổ ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं विकिराणां यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HRŪM - VIKIRAṆA PAṆCA UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Cực Quảng:

120. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) tra-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ṬRŪM - UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Quảng Đại:

121. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) thất-lỗ-án, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚRŪM - UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Vô Biên Âm:

122. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hông, nhạ dữu, ồ sắt nê-sái (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समं तं बुद्धं नमः शान्तिं यथा सुखं च

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - HŪM JAYA UṢNĪṢA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Phật Đỉnh:

123. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) noan noan noan, hồng hồng hồng, phát-tra (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानामं वामं वामं वामं - हुं हुं हुं वामं वामं वामं

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAM VAM VAM - HŪM HŪM HŪM - PHAṬ - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

An bày chúng **Tĩnh Cư** (Śuddhāvāsa)

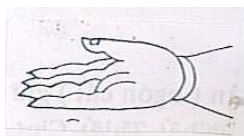
Tự Tại (Īśvara) cùng **Phổ Hoa** (Samanta-kusuma)

Quang Man (Prabhamāla) với **Ý Sinh** (Manojava)

Tên gọi nhóm **Viễn Văn**

Đều theo thứ tự ấy

_ Tay Tuệ (tay phải) nâng gò má



Phổ Hoa, như Tự Tại

Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) sai lệch khác



Quang Man Ẩn như trước

Sửa Không (ngón cái) ngay trong chưởng



Mãn Ý Sinh Thiên Tử

Không (ngón cái) Phong (ngón trỏ) như cầm hoa



Biến Âm Thanh Thiên Ẩn

Trí (tay phải) Không (ngón cái) để trên Thủy (ngón vô danh)
Duỗi che Tuệ Nhĩ môn (lỗ tai trái)



_ Năm Trời và Quyển Thuộc
Thứ tự tập Chân Ngôn

Tự Tại Thiên:

124. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) An, bá la nễ đát-ma la đề tỳ-
dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोः सामान्तबुद्धानाम् - ओम् - पुरानित्म

RATIBHYAH - SVĀHĀ

Phổ Hoa:

125. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) Ma nỗ la ma (2) đạt ma, tam
bà phộc (3) ca thác ca thác năng (4) tam tham mang sai nê (5) sa-phộc hạ”

ॐ नमोः सामान्तबुद्धानाम् मन्मथे धर्म मन्मथे नमोः सामान्तबुद्धानाम्

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAṆORAMA DHARMA SAMBHAVA - KATHĀ KATHĀNA - SAM SAM MABHANE - SVĀHĀ

Quang Man:

126. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) tả đố ỏ-xá tả nan (2) sa-phộc
hạ”

ॐ नमोः सामान्तबुद्धानाम् जटुयस्यानाम् - स्वोहा

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - JATUYASYANA - SVĀHĀ

Mãn Ý Sinh Thiên Tử:

127. “Năng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A, Án, khả ninh xỉ tỳ-dược (2)
sa-phộc hạ”

ॐ नमोः सामान्तबुद्धानाम् अ - ओम् - हानातिब्यह - स्वोहा

SVĀHĀ

Biển Âm Thanh Thiên:

128. “Năng mạc Tam mãn đa một đà nam (1) An, A bà sa-phộc lệ tỳ-dược
(2) sa-phộc hạ”

ॐ नमोः सामान्तबुद्धानाम् अ - ओम् - अब्हासवारेब्यह - स्वोहा

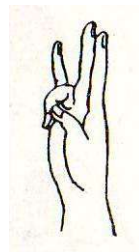
SVĀHĀ

_ Hành Giả, góc Đông Nam
Tạo làm Tượng Hỏa Tiên (Agni-rṣī)

Trú ở trong lửa mạnh
 Ba điêm tro, tiêu biểu
 Sắc thân đều đỏ thẫm
 Tim đặt **Ấn Tam Giác**
 Tạo làm trong tóc lửa
 Tuệ (tay trái) **châu** (viên ngọc), Định (tay phải) **Táo Bình**
 Chường Ấn, Định (tay trái) cầm Trượng (cây gậy)
 Ngồi trên lưng Dê xanh
 Phi Hậu hầu hai bên (phải, trái)
Phộc Tư Sát Xá Tiên (Vasiṣṭa-ṛṣī)
 Với các *Tiên chúng* khác
 Mà dùng làm quyền thuộc
 Phương trái, **Diêm Ma Vương** (Yama-rāja)
 Tay giữ Ấn **Đàn Noa** (Daṇḍa: Quyền Trượng)
 Ngồi trên lưng con trâu
 Màu mây đen chớp loé
Bảy Mẫu (Sapta-mātṛ) cùng **Hắc Dạ**. (Kāla-rāṭṛ)
Tử Hộ Phi (Vợ của Tử Thân) vây quanh
Phán Quan, các Quỷ thuộc
 Hàng Quyền Thuộc vây quanh
Hỏa Thiên, Thí Vô Úy
 Đại Không (ngón cái) ngang trong chường
Thỉnh Triệu, Tuệ Phong (ngón trỏ phải) câu (móc câu)



Năm Khế nhóm **Phộc Tư** (Vasiṣṭa-ṛṣī)
 Không (ngón cái) giữ vãn hai Thủy (vạch thứ hai của ngón vô danh)
 Thứ tự mở bày khắp



Diêm Ma, hợp Phước Trí (2 bàn tay)
 Địa (ngón út) Không (ngón cái) vào trong Nguyệt (lòng bàn tay)



Bảy Mẫu, Tam Muội Quyên (Quyên trái)
Rút Không (ngón cái) Kiên Chùy Ấn



Ám Dạ đồng Ấn trước
Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm duỗi



Diễm Ma Hậu Phi Đạc (Án)
Tay Tuệ (tay phải) rữ năm Luân (2 ngón tay)
Giống như tướng *Kiên Tra* (Ghaṃṭa: cái chuông)



Mỗi Chân ngôn ấy là:

Hỏa Thiên:

129. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **n**ghĩ-**n**ăng duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमस्त्विच्छ्रयं स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

Phi Hậu:

130. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) A **k**hởi nễ duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमस्त्विच्छ्रयं स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĪYE - SVĀHĀ

Phộc Tư Tiên:

131. “**N**ăng mạc Tam mãn đa một đà nam (1) Phộc tỹ **s**ắt-xá lật-sam (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षं नमस्त्विच्छ्रयं स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VASIṢṬA-RṢIṂ - SVĀHĀ

A Diệt Lý Tiên:

132. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác đế-la dã, ma hạ lật-sam (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय अत्रेया महाः र्षिभ्यः स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ATREYA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Kiều Đáp Ma :

133. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bà-lý thâu đát-ma ma ha lật-sam (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय भृगुमा मार्षिभ्यः स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - BHRGAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - SVĀHĀ

Nghiệt Lật Già:

134. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Kiều đáp-ma ma hạ lật-sam (2) nghiệt lý-già, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय गौतम मार्षिभ्यः स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - GAUTAMA MAHĀ-RṢIṀ - GARGHA_ SVĀHĀ

Diêm La Thiên:

135. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Phệ phộc sa-phộc đa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय वैवस्वतस्य स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAIVASVATĀYA - SVĀHĀ

Bảy Mẫu:

136. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ma đát-lý tỳ dục (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय मृगुः स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MĀTRBHYAḤ - SVĀHĀ

Ám Dạ:

137. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ca la la đát lý duệ (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय कालरात्रिये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KĀLA-RĀTRĪYE - SVĀHĀ

Phán Quan:

138. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Chỉ đát-la ngu bát-da dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय सिवगुप्तस्य स्वहा

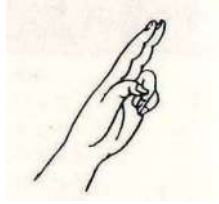
↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CITRA- GUPTĀYA - SVĀHĀ

Niết Lị Đế Quỷ Vương (Nṛti-rāja)

Hiệu là **Đại La Sát** (Mahā-rākṣasa)

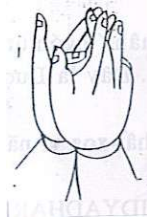
Cầm đao, hình đáng sợ

Thân Ấn đồng Yết Nga (Khaḍga: Đao Ấn)



Các Lạc Sát sa (Rākṣasa) ấy

Hư hợp (chấp 2 tay giữa rỗng) Thủy (ngón vô danh) vào chưởng
Dụng Phong (ngón trở) giao Không (ngón cái) Hỏa (ngón giữa)



Mỗi Chân Ngôn ấy là

La Sát Chử:

139. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) la-khất-sát sa địa bả da duệ
(3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् एकस्यै च नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASA ADHIPATAYE - SVĀHĀ

Sát Tư :

140. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) lạc khất-xoa sa (2) nga nê nhĩ
(3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् एकस्यै च नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASI GAṆIMI - SVĀHĀ

Trưởng Huynh:

141. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) ngật-la ca lệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् क्राकरे च नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - KRA KARE - SVĀHĀ

Chủng:

142. “**N**ăng mạc tam mãn đa một đà nam (1) lạc khất-xoa tế tỳ-dược (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् एकस्यै च नमः

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - RĀKṢASEBHYAḤ - SVĀHĀ

Long phương (phương Tây) Phộc Lô Noa (Varuṇa: Thủy Thiên)

Cửa Tây cầm sợi dây

Hình Trời, dáng người nữ

Ngồi trên Rùa **Long Quang**

Trong cửa: Trước, trái, phải

Phẫn Nộ Vô Năng Thắng (Krodha-aparājita)

Đôi **A Tỳ Mục Khur** (Abhimukha: Hiện Tiền)

Đại Hộ (Mahà-pàla) trong gian queo (gian phòng nhỏ ở khúc quanh)

Trì Minh Đại Phẫn Nộ (Vidya-dhāra-mahā-krodha)

Tiếp Hữu (bên phải) **Vô Năng Thắng** (Aparājita)

Tiếp tả (bên trái) **Vô Thắng Phi**

Nan Đồ (Nanda), **Bạt Nan Đồ** (Upananda)

_ Phương Tây, các **Địa Thần** (Pṛthivīye Devatā)

Biện Tài (Sarasvati) với **Tỳ Nữu** (Viṣṇu)

Tắc Kiến Năng (Skanda), **Phong Thần** (Vāyu Devatā)

Thương Yết La (Śaṃkara), **Nguyệt Thiên** (Candra Deva)

Nhóm ấy y Long phương (Phương Tây)

Hành Giả trì Chân Ngôn

Dùng Tâm chẳng mê hoặc

Đặt để đừng sót lằm

Các **Thích Chủng** còn lại

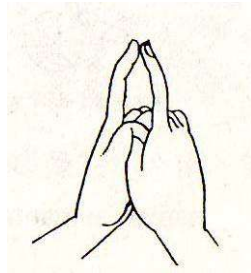
Cà Sa (Kaṣāya) với **Tích Trượng** (Khakkhara)

Thầy nên khai thị đủ

Hình Tam Muội, khác màu

_ **Quyển Sách** (sợi dây) Nội Phộc Quyên

Rút Phong (ngón trở) hợp tròn đầu



_ **Địa Thần**, tay Phước trí (2 bàn tay)

Tám Độ (8 ngón tay) hợp tròn đầu

Hai Không (2 ngón cái) phụ như lọng



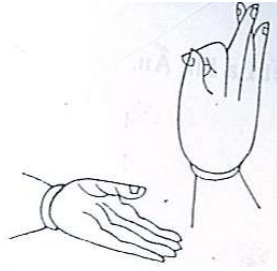
_ **Biện Tài** tức **Diệu Âm** (Sarasvati)

Tuệ Phong (ngón trở phải) giữ ở Không (ngón cái)

Hướng Thân đưa qua lại

Vận động như tấu nhạc

Thiên ấy, **Phí Noa Ấn** (Viṇa-mudra)



Tỳ Nữ (Viṣṇu) tức **Na Diên** (Nārāyaṇa)

Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Phong (ngón trỏ)

Dùng đây, làm sai khác



Tiếp, bên phải Thủy Thiên

Tắc Kiến Phiên Đồng Tử

Ba đầu cỡi chim Công (Khổng Tước)

Thương Yết La, Kịch Ấn

Định (tay trái): Không (ngón cái) đặt lên Địa (ngón út)

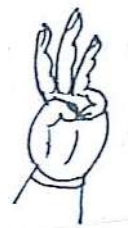
Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) Thủy (ngón vô danh) hình Kịch (cây kịch)



Hậu Ấn, Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)



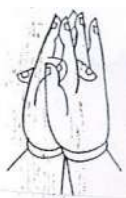
Phi Ấn mở ba Luân (3 ngón tay)



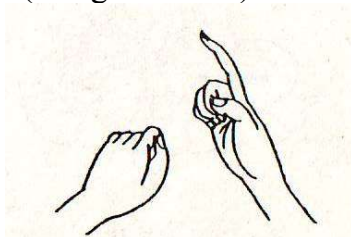
_ Tiếp phía Nam cửa Tây
Quyền thuộc của **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)
Hai mươi tám Tú Thần
Nhóm Cung Thần vây quanh
_ **Nguyệt Thiên** cỡi Hạc Trắng
Thân Ấn, tay Tam Muội (tay trái)
Không (ngón cái) đặt ở trên Thủy (ngón vô danh)



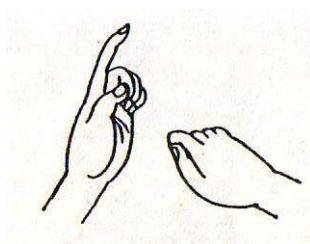
Nhân tác Khiết Bạch Quán (quán sát trắng tinh khiết)
_ Tất cả **Tứ Diệu Ấn**
Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chương) Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) giao



_ Túc trong phòng queo trước
Vô Thắng (Dardharsa: Nan Phá) Tam Muội Quyền (quyền trái)
Nâng giúp mở bung Luân (ngón tay)
Trí Quyền (quyền phải) duỗi Tuệ Phong (ngón trỏ phải)
Giống như thế Tương Nghi (Cùng tính toán)



Đối nhau nâng Tuệ Quyền (quyền phải)
Dạng như thế đánh nhau
Túc **A Tỳ Mục Khư** (Abhimukha)



– Tiếp ngoài, **Thắng** với **Phi**
Trí (tay phải) cầm sen (hoa sen) tại tim
Đuối Định (tay trái) hướng ngoài chia
Tức tên **Vô Năng Thắng**



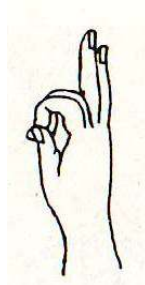
– Tiếp bày **Thắng Phi Ân**
Phước Trí (2 tay) trong năm quyền
Co Không (ngón cái) như cái miệng



– **Hai Rồng** Tả Hữu chưởng (chưởng trái, chưởng phải)
Hỗ trợ đè lên nhau



– **Phộc Dữu** (Vây: Phong Thiên) Phong Thiên Tràng (cây phượng)
Trí quyền (quyền phải) dựng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)
Tưởng quán làm Phong Tràng (cây phượng gió)



Tất cả các quyền thuộc
Vây chung quanh Phong Thiên
Mỗi Chân Ngôn ấy là:

Chư Long:

143. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A bá bả đa duệ (2) minh già xả nễ duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः प्रथमे नमः प्रथमे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - APĀMPATAYE - MEGHĀŚANĪYA - SVĀHĀ

Địa Thần:

144. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bả-lý thể vĩ-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः पृथिव्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - PṚTHIVYAI - SVĀHĀ

Diệu Âm:

145. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) sách la sa-phộc đế-duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः सरस्वत्यै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - SARASVATYAI - SVĀHĀ

Na La Diên”

146. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa phệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆUVE - SVĀHĀ

Hậu:

147. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ sắt-noa nhĩ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः विष्णवे नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VIṢṆEVI - SVĀHĀ

Nguyệt Thiên:

148. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) chiến nại-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः चन्द्रायै नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - CANDRĀYA - SVĀHĀ

Nhất Thiết Tú Diệu:

149. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) nặc ngật-xoa đát-la (2) nễ ná nễ duệ (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् वृक्षे नमः नक्षत्रे निर्जदानीये नमः ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - NAKṢATRA NIRJADANĪYE - SVĀHĀ

Tương Đối Thắng:

150. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) nột đạt lý-sái, ma ha lỗ sái noa (2) khư ná dã, tát noan, tát đát tha nghiệt đa nhiên, củ lỗ (3) sa-phộc hạ”

नमः समान् वज्रान् वृद्धि मन्त्रधर्मवन्द्य सत् नक्षत्रान्
कुर्वन्मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM _ DARDHARṢA, MAHĀ-ROṢANA
KHĀDAYA _ SARVA TATHĀGATĀ-JÑAM KURU_ SVĀHĀ

A Tỳ Mục Khư:

151. “Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn (1) Hệ, A tỳ mục khư, ma hạ bát-la chiến noa (2) khư ná dã, khấn thị la dã tử (3) tam ma dã, ma nỏ sa-ma la (4) sa-phộc hạ”

नमः समान् वज्रान् क मुखसुत्र मन्त्रधर्मवन्द्य सत् नक्षत्रान्
समयमनुस्मरन्मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM _ HE_ ABHIMUKHA MAHĀ-
PRACAṆḌA _ KHADAYA KIMCIRĀYASI SĀMAYAM ANUSMARA_
SVĀHĀ

Ngoại Thắng và Phi:

152. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Hồng (2) địa-lãng, địa-lãng (3) lãng lãng , nhật-lãng, nhật-lãng (4) sa-phộc hạ”

नमः समान् वृद्धिं ह्रं श्रं श्रं श्रं श्रं श्रं श्रं मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HŪM DHRIM DHRIM_ RIM
RIM_ JRIM JRIM_ SVĀHĀ

Phi:

153. “Năng mặc Tam mãn đa một đà nam (1) A bát-la nhĩ đế (2) nhạ điển đê đất ni đế (3) sa-phộc hạ”

नमः समान् वृद्धिं मन्त्रधर्मवन्द्य सत् नक्षत्रान् मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ APARĀJITE JAYAMTI
TĀDITE_ SVĀHĀ

Nhất Long:

154. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Nan năng dã (2) sa-phộc hạ”

नमः समान् वृद्धिं नन्द्य मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - NANDĀYA - SVĀHĀ

Nhị Long:

155. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ô ba nan na dã (2) sa-phộc hạ”

नमः समान् वृद्धिं उपनन्द्य मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - UPANANDĀYA - SVĀHĀ

Phong Thiên:

156. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phộc dã phệ (2) sa-phộc hạ”

नमः समान् वृद्धिं वयवे मन्द्य

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VĀYAVE - SVĀHĀ

_ Tiếp ở nơi Thắng phương (phương Bắc)

Cửa Bắc, **Đa Văn Thiên** (Vaiśravaṇa)

Trái, phải tám anh em

Mẫu với hàng **Tổ Mẫu**

Cát Tường Công Đức Thiên

Vạn Thắng Độc Dũng Kiện

Hàng quyền thuộc nam nữ

Đa Văn Thân Mật Ấn

Trí Định (2 bàn tay) hợp giữa rỗng (Hư Tâm hợp chuông)

Hai Địa (2 ngón út) vào chuông giao

Dụng Không (ngón cái) trụ cạnh Phong (ngón trỏ)

Một thốn chằng chạm nhau



Chân Ngôn là:

157. “**Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) phệ thất-la phộc noa dã (2) sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् वैश्रवणाय स्वहा ॥

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - VAIŚRAVAṆĀYA - SVĀHĀ

_ Tiếp Tả (bên trái) Đại Dược Xoa

Định Tuệ (2 tay) Nội Xoa Quyền

Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (2 ngón trỏ)



Nhất Thiết Dược Xoa Nữ

Ấn trước duỗi hỏa Luân (ngón giữa)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự giữ nhau



_ **Giá Văn Trà** (Cāmuṇḍa) Định Quyền (Quyền trái)

Ngửa giữ **Kiếp Ba La** (Kapāla: đầu lâu)



_ Cửa Đông Tỳ Xá Già (Piśāca)
Nội Phộc, duỗi ở Hỏa (ngón giữa)



_ Ấn trước co Hỏa Luân (ngón giữa)
Tức tên Tỳ Xá Chi (Piśāce)



Mỗi Chân ngôn ấy là

_ *Nhất Thiết Dược Xoa:*

158. “Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) dược ngật-xoa thấp-phộc la
(2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम यक्षेश्वर्यय स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - YAKṢEŚVARA - SVĀHĀ

_ *Nhất Thiết Dược Xoa Nữ:*

159. “Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) dược khát-xoa vĩ nễ-dã đạt lệ
(2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम यक्ष विद्याधर्यय स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - YAKṢA-VIDYA-DHĀRI - SVĀHĀ

_ *Giá Văn Trà:*

160. “Năng mặc Tam mãn đà một đà nam (1) tả muộn noa duệ (2) sa-phộc
hạ”

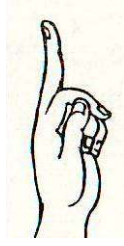
ॐ नमः समन्त बुद्धानाम कामुण्डायै स्वहा ॥

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ CĀMUṄḌĀYE _ SVĀHĀ

_ *Tỳ Xá Già:*

161. “Năng mặc tam mãn đà một đà nam (1) tỳ xá già nga để (2) sa-phộc
hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम तिस्र्यय स्वहा ॥



Chân Ngôn là:

164. “**N**ăng mặ**t** tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) l**ỗ** n**ại**-l**a** đ**ã** (2) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः रुद्राय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ RUDRĀYA SVĀHĀ

Bộ Đa Quý:

165. “**N**ăng mặ**t** tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) xá n**inh** (2) b**ộ** đ**à** đ**ịa** b**a** đ**ể** (3) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः शाने भूताधिपति स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚANE BHŪTA-ADHIPATI - SVĀHĀ

Nhạ Dã Thiên:

166. “**N**ăng mặ**t** tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) n**ă**ng mặ**t** nh**ạ** đ**u**ệ (2) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः जये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - NAMAḤ JAYE - SVĀHĀ

Ô Ma Phi:

167. “**N**ăng mặ**t** tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) Ô m**a** n**ễ** n**h**ĩ (2) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः उमादेवी स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - UMA DEVĪ _ SVĀHĀ

Ma Hạ Ca La Thân:

168. “**N**ăng mặ**t** Tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) m**a** h**ạ** c**a** l**a** đ**ã** (2) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः महाकालाय स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-KĀLĀYA - SVĀHĀ

Tần Na Dạ Ca Thiên:

169. “**N**ăng mặ**t** tam m**ã**n đ**à** m**ột** đ**à** nam (1) m**a** h**ạ** n**ga** n**oa** b**ả** đ**á** đ**u**ệ (2) sa-ph**ộ**c h**ạ**”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः महानगपतये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - MAHĀ-GAṆA-PATĀYE - SVĀHĀ

Tiếp đi đến phương đầu (phương Đông)

Cửa Đông, **Đế Thích Thiên** (Śakra)

An trú **núi Diệu Cao** (Sumeru)

Mão báu, đeo Anh lạc

Tay cầm **Độc Cổ Ấn**

Thiên Chúng tự vây quanh

__ Tả (bên trái) để chúng **Nhật Thiên** (Āditya-deva)

Trong xe tám ngựa kéo

Hai Phi hầu trái phải

Thệ Gia (Jaya), **Tỳ Thệ Gia** (Vijaya)

Dịch là **Thắng**, **Vô Thắng**

Quyển thuộc bày **Chấp Diệu** (Grahā)

Áng Già (Āditya: Nhật Diệu) ở trái phải

Thâu Già (Soma: Nguyệt Diệu) ở phía Đông

Bột Đà (Budha: Thủy Diệu) ở phía Nam

Vật Lạc Tát Bát Đễ (Vṛhasvati: Mộc Diệu)

Đặt ở Bắc Nhật Thiên

Thiết-Nãi Thiết Già (Śanaiścara: Thổ Diệu) Đông Nam

La Hầu (Rahu) tại Tây Nam

Kiểm Bà (Śukra: Kim Diệu) tại Tây Bắc

Kế Đô (Ketu) tại Đông Bắc

Niết Già Đa (Nirjāta) Thiên Cầu

Ở Bắc của Bắc vĩ

Ốt Già Bả Đa Hỏa (Aṅgaraka: Hỏa Diệu)

Ma Lợi Chi (Marīci) đi trước

Theo hầu mà Thị Vệ

__ **Đại Phạm** (Mahā-brahma) hữu (bên phải) **Đế Thích** (Indra)

Ngồi trên xe bảy ngỗng

Bốn mặt, mào tóc kết

Bốn tay, Tuệ (tay trái) cầm hoa

Tiếp Tuệ (tay trái) cầm Sở châu (tràng hạt)

Định trên (tay phải) cầm Quân Trì

Định dưới (tay phải) tay nghiêng chuông

Co Phong (ngón trỏ) còn lại duỗi

Tịnh Hạnh Cát Tường Ấn

Đều là Ấn chữ ÁN

__ **Ma Lợi Chi**, bình báu

Tay Định (tay trái) rộng, nắm quyền

Trong tất cả các nạn

Tương Thân vào trong ấy

Trí chuông (lòng bàn tay phải) mà che đi

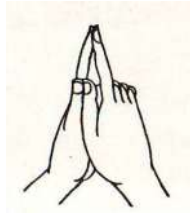
Mắt Trời Người chẳng thấy



__ **Tứ Thiên Thiên** tại Tả (bên trái)

Vô Nhiệt Ngũ Tinh Hữu (bên phải)

Thích Ân, Nội Phộc quyền
Dựng hai Phong (2 ngón trỏ) như chày



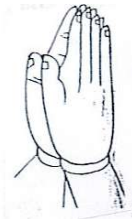
Nhật Thiên, Phước Trí (2 tay) Không (ngón cái)
Đều để cạnh Thủy Luân (ngón vô danh)
Hiện hiện dính cạnh nhau
Ngửa như hình Xa lạc (cái xe)



Xã Gia (Jaya) **Tỳ Xã Gia** (Vijaya)
Tay Bát nhã Tam Muội (2 tay)
Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) đều hướng trong
Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau



Định Tuệ Luân (10 ngón tay) hợp đầu
Dựng Không (ngón cái) đặt ở tim

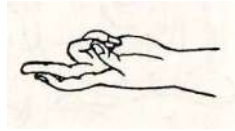


Ấn tướng của **Cửu Cháp**
Còn như truyền thụ miệng

Thích hữu (bên phải **Đế Thích**) **Phạm Thiên Ân**
Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) giữ Thủy (ngón vô danh)
Giống như tướng cầm hoa



_Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) đặt trên Hỏa (ngón giữa)
 Không (ngón cái) giữ lỏng giữa Thủy (ngón vô danh)
Phạm Thiên Phi Mật Khế



_Trong Quyển Thuộc Thiên Đế
Càn Đạt (Gandharva), **A Tu la** (Asura)
 Ấn trước, Nội Phộc Quyển
 Duỗi Thủy (ngón vô danh) **Nhạc Thiên Ấn**



Tu La dùng tay Trí (tay phải)
 Phong (ngón trỏ) quặp trên Không Luân (ngón cái)



Chín Ấn, sáu Chân Ngôn
 Mỗi Chân Ngôn ấy là:

Thiên Đế Thích:

170. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **x**ả ngật-la dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् शक्राय स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - ŚAKRĀYA - SVĀHĀ

Nhật Thiên:

171. “**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **A** nễ đề-dã dã (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् अदित्याय स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM __ ĀDITYĀYA_ SVĀHĀ

Ma Lợi Chi Thiên:

“**N**ăng mạc tam mãn đà một đà nam (1) **ma lợi chi** (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् मारिचये स्वहा

☞ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM __ MARĪCIYE SVĀHĀ

Cửu Cháp:

172. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) nguyệt-la hệ thấp mặt-lý đã (2) bát-la ba-đa nhụ đề ma đã (3) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः ग्रहेष्वर्या प्रप्ता ज्योतिर्मया स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA _ SVĀHĀ

Phạm Thiên:

173. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) bát-la nhạ bả đa duệ (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः प्रजापतये स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ PRAJAPATĀYE _ SVĀHĀ

Càn Thát Bà:

174. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) vĩ thú đà sa-phộc la phộc hệ nãi (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः विदुष्वसुरा वरेष्वस्य स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ VIŚUDDHĀ-SVĀRA VĀHINI SVĀHĀ

A Tu La:

175. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tố la nguyệt la la diễn (2) sa-phộc hạ”

ॐ नमः सम्यक् बुद्धाय नमः असुरा गरालयाम स्वहा

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ ASURĀ GARALAYAM - SVĀHĀ

Phật Tử! Hãy khéo nghe

Từ Tam Muội Gia đầu

Đến **Bình Đẳng Khai Ngộ**

Phương Đông, viện thứ nhất

Đại Nhật, chúng Tam Muội

Phần lớn hình Thiên nữ

Câu (Như Lai Câu) đến **Như Lai Giáp**

Đều ngòì đài sen trắng

Luân (bánh xe) **Đao, Sáo, Thương Khư** (Loa)

Linh (chuông) **Đạc** (mõ) với Quyên Sách (sợi dây) ...

Hào Tướng, Khẩu, Thiệt, Nha

Thầy đều cầm hoa sen

Trên hoa đặt **Tiêu Xí**

Tề Ân ở trong hoa

Vẽ làm *Liên Hoàn Quang* (ánh sáng của cái vòng hoa sen)

Tướng màu nhiệm tròn đẹp

Yêu (Như Lai Yêu) như *Hồi Châu Man*

Tạng (Như Lai Tạng) như *Ngọc Mã Âm*

Âm Tàng chẳng để lộ

Thí Nguyên Pháp Biện Thuyết

Kinh Tạng trên hoa sen
Niệm Xứ, Thập Lực đảnh
Kèm vẽ hình người Trời
Đáng Tam Muội vắng lặng (Tịch Tĩnh Tam Muội)
Nên làm tướng Phật Đỉnh
Núi, sông, cây, hoa, quả
Lối đi: Quý, Thần, Trời
Tùy tên làm Tiêu Xí
Thần: **năm, tháng, sáu Thời**
Cầm hoa tùy Bản Giáo
Lược nói **Đại Bi Tạng**
Mạn Trà La Vị xong
_ Tất cả các Thánh Chúng
Rộng như *Đại Đàn Đò* (hình vẽ Đàn lớn)
Quán Đỉnh A Xà Lê (Bậc Thầy Quán đỉnh)
Như Kinh nên cúng dường

_ Tiếp, dẫn người đáng độ
Hoặc mười, hoặc tám, bảy
Hoặc năm, hai, bốn, một
Dùng nước sạch rưới vẩy
Trao cho Hương xoa, hoa
Khiến phát **Tâm Bồ Đề**
Trao **Giới Thẳng Thượng** ấy
Nghĩ nhớ các Như Lai
Tất cả đều nên làm
Sinh ở *nhà Phật* tịnh
_ **Kết Ấn Pháp Giới Sinh**
Cùng với **Ấn Pháp Luân**
Nhóm Kim Cương, Hữu Tình
Mà dùng làm **Gia Trì**
_ Tiếp nên tự mình kết
Chư Phật Tam Muội Gia
Ba chuyên, gia áo sạch
Như *Pháp Giáo Chân Ngôn*
_ Dùng áo đỏ che đầu
Khởi sâu Tâm thương xót
Ba tụng **Tam Muội Gia**
Đỉnh đội dùng **chữ LA** (𑖫 _ RA)
Nghiêm dùng diêm Đại Không (𑖫 _ RAM)
Chung quanh mở tóc lửa
Tự Môn sinh *Bạch Quang* (ánh sáng trắng)
Tuôn ra như Trăng đầy
Hiện đối các Cứu Thế
Rời rải tán hoa sạch (Tĩnh Hoa)
Tùy nơi hoa ấy đến
Hành Nhân nên tôn phụng
_ **Mạn Trà La**, cửa đầu

Chỗ **Đại Long** phòng giữ
 Ở khoảng giữa hai cửa
 An lập nơi Học Nhân (người học)
 Trụ đây, tùy *Pháp Giáo*
 Mà làm mọi sự nghiệp
 _ Như vậy khiến **Đệ Tử**
 Mau lìa các lỗi lầm
 Làm Hộ Ma **Tịch Nhiên**
 Hộ Ma y *Pháp trụ*
 Trước, ngay **Trung Thai Tạng**
 Đến thứ hai, bên ngoài
 Ở trong Mạn Trà La
 Làm, Tâm không nghi ngờ
 Như lượng khuỷu tay mình
 Đào đắp *Đàn Quang Minh* (Đàn Hộ Ma)
 Bốn lóng (lóng tay) làm vòng giới
 Trong nêu **Kim Cương Ấn**
 Phương phải của Đạo Sư
Hộ Ma đủ chi phần
 Người Học trụ bên trái
 Ngồi xôm (Tông cứ tọa) tăng Tâm kính
 Tụ rải *cỏ Cát Tường* (Kusala)
 Trái đất dùng an Tọa
 Hoặc bày mọi sắc vẻ
 Rực rỡ rất nghiêm lệ
 Việc *tất cả Hội*, thành
 Đây, lược nơi Hộ Ma
 Rải cỏ Tranh chung quanh
 Đầu cuối trợ nhau thêm
 Xoay bên phải rộng dày
 Dùng nước thơm rải khắp
 Suy nghĩ **Hỏa Quang Tôn** (Hỏa Thiên)
 Thỉnh đến vào trong lò
 Thương xót lo tất cả
 Cần phải cầm *Mãn Khí* (Đại Thược: cái muôi lớn)
 Dùng để làm cúng dường
 Bấy giờ *Thiện Trụ Giả* (Người khéo trụ)
 Nên nói Chân Ngữ này:
176. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) Ác nga-năng duệ (2) sa-phộc

hạ”

ॐ नमः सामन्ता बुद्धानाम् - अग्नये - स्वaha

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM - AGNĀYE - SVĀHĀ

_ Lại dùng tay Tam Muội (tay trái)
 Tiếp, trì các **Đệ Tử**
 Tay Tuệ (tay phải) ngón đại Không (ngón cái)
 Lược **Phụng Trì Hộ Ma**
 Mỗi hiến, liền thành tụng (chân thành tụng)
 Riêng đều đến hăm một (21)

Nên trụ Tâm *Từ Mẫn*

Y Pháp *Chân Thật* nói:

Phụng Trì Hộ Ma:

177. “**N**ặng mặc tam mãn đa một đà nam (1) **A**, ma hạ phiến để nghiệt đa (2) phiến để yết la (3) bát-la diễm ma đạt ma nãi nhược đa (4) **A** bà phộc, tát phộc bà phộc (5) đạt ma sa mãn đa bát-la ba-đa (6) sa-phộc hạ”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् नमः महा शान्ति गता शान्ति कारा प्रासामा धर्मा निरजाता अभवा स्वभवा धर्मा समान्ता प्राप्ता स्वहा

↳ **N**AMAḤ **S**AMANTA-BUDDHĀNĀM Ḥ **A**H MAHĀ-ŚĀNTI GATA ŚĀNTI KARA PRAŚAMA-DHARMA NIRJĀTA ABHĀVA SVABHĀVA DHARMA SAMANTA PRĀPTA SVĀHĀ

Hành Giả *Hộ Ma* (Homa) xong

Ứng Giáo Lệnh, bổ thí

Vàng, bạc, mọi trân bảo

Voi, ngựa với xe cộ

Bò, dê, quần áo đẹp

Hoặc mọi tiền của khác

Đệ Tử nên chí thành

Cung kính khởi ân trọng

Thâm Tâm tự vui mừng

Mà phụng hiến **Sở Tôn** (Tôn của mình)

Dùng tu hành Tịnh Xả

Khiến Tôn ấy vui vẻ

Dùng tác làm **Gia Hộ**

Ứng Triệu mà nói rằng (cáo ngôn)

“*Nay, ruộng **Thắng Phước** này*

Tất cả Phật đã nói

Vì muốn nhiều ích rộng

Tất cả các Hữu Tình

Phụng thí tất cả Tăng

*Sẽ đạt được **Quả Lớn***

Tư Tài lớn không tận

Đời nói thường tùy sinh”

Người đã cúng dường Tăng

Giúp cho người **đủ Đức**

Vì thế, Thế Tôn nói

Cần phải phát hoan hỷ

Tùy sức sắm món ăn

Giúp cho **Hiện Tiền Tăng** (Chư Tăng hiện tại)

Ma Ha Tỳ Lô Phật

Lại bảo Cháp Kim Cương

Rồi nói Già Đà rằng

“**Ông! Ma Ha Tát Đỏa** (Mahā-satva)

Một lòng hãy lắng nghe!

Sẽ rộng nói **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka)

Phật xưa đã mở bày (khai thị)
Thầy làm **Đàn thứ hai**
Đôi Trung Mạn Trà La
Tô vẽ ở ngoại giới
Cách nhau hai khuỷu tay
Bốn phương chính, chia đều
Trong, hướng mở một cửa
Đặt bốn **Chấp Kim Cương**
Ngụ ở bốn góc ngoài
Là **Trụ Vô Lý Luận** (Niḥprapanca-pratiṣṭha-vajradhāra, hay Aprapañca-
vihārin-vajradhāra)
Với **Hur Không Vô Cấu** (Vimalākāśa-vajradhāra, hay Gaganāmala-vajradhāra)
Vô Cấu Nhãn Kim Cương (Vimalanetra-vajradhāra)
Với **Bị Tạng Sắc Y** (Citra-vasa-dhṛk-vajradhāra)
_ Nội Tâm: hoa sen lớn
Tám cánh đủ râu nhụy
Ở trong cánh bốn phương
Bốn **Bồ Tát bần lữ**
Do **Đại Hữu Tình** ấy
Vì nguyện lực xa xưa
_ Tại sao gọi là **Bốn**?
Là **Tổng Trì Tự Tại**
Niệm Trì, Lợi Ích Tâm
Bi Giả, Bồ Tát đấng
_ Bốn cánh hoa còn lại
Làm bốn vị **Phụng Giáo** (Parivara)
Tạng Sắc y, Mãn Nguyện
Vô Ngại với **Giải Thoát**
_ Chính giữa bày Pháp Giới (Chữ 卐 – RAM)
Màu chẳng thể luận bàn
Bốn Bình làm bằng báu
Chứa đầy mọi thuốc báu (Dược bảo)
Phổ Hiền, Từ Thị Tôn
Cùng với **Trừ Cái Chướng**
Trừ Nhất Thiết Ác Thú
Mà dùng làm Gia Trì
_ Người ấy, lúc Quán Đỉnh
Nên đặt trên Hoa Sen
Hiền: dùng *huong xoa, hoa*
Đèn sáng với *Át Già*
Trên treo *phan, phướng, lọng*
Dâng âm nhạc nhiếp ý
Nhóm *Cát Khánh Già Đà*
Rộng nhiều lời hay đẹp
Như vậy mà cúng dường
_ Khiến được vui vẻ xong
Thân (Gần gũi) đối các Như Lai
Rồi tự rưới đỉnh đầu
Lại nên cúng dường ấy

Các hương hoa diêu thiên
Quán Vũ (tay trái) cầm Ngũ Trí (chày Ngũ Cổ Kim Cương)
Trao vào hai bàn tay (Đặt chày vào 2 tay Đệ Tử)

— **“Chư Phật Kim Cương Quán Đỉnh Nghi**

Người đã như Pháp Quán Đỉnh xong

Vì thành Thế Tính của Như Lai

Người nên nhận chày Kim Cương này”

— Tiếp nên giữ **Kim Bè** (dao mổ mắt)

Đứng trước mặt kẻ ấy

Ủy dụ khiến vui vẻ

Nói **Như Lai Già Đà**

“Phật Tử! Phật vì người

Quyết trừ màn Vô Trí

Giống như Thế Y Vương

Khéo dùng dao mổ mắt”

— Hành Giả trì Chân Ngôn

Lại nên cầm gương sáng

Vì hiển Pháp **Vô Tướng**

Nói **Diệu Già Đà** này

“Các Pháp không hình tượng

Lặng trong không vẫn đục

Không chấp, lừa lời nói

*Chỉ từ **Nhân Nghiệp** khởi*

Như vậy biết Pháp này

Tự Tính không nhiễm ô

Vì đời lợi khôn sánh (vô tỉ: không thể so sánh)

Người từ Tâm Phật sinh”

— Tiếp nên truyền **Pháp Luân** (Dharma-cakra)

Đặt ở giữa hai chân

Tay Tuệ (tay phải) truyền **Pháp Loa** (Dharma-sankha)

Lại nói **Ke** như vậy

“Người từ ngày hôm nay

*Chuyển ở **Cửu Thế Luân** (bánh xe cứu đời)*

Tiếng ấy rộng vòng khắp

Thôi loa Pháp vô thượng

Đừng sinh ở Tuệ khác

Nên lia Tâm nghi hối

Mở bày ở Thế Gian

*Đạo **Chân Ngôn Thắng Hạnh***

Thường tác Nguyên như vậy

*Tuyên xưng **Án Đức Phật***

*Tất cả **Trì Kim Cương***

Đều sẽ hộ niệm người”

— Tiếp đối với Đệ Tử

Nên khởi Tâm thương nhớ

Hành Giả nên vào trong
Bày **Kệ Tam Muội Gia**
“Phật Tử! Ngươi từ nay
Chẳng tiếc luyện thân mệnh
Thường chẳng nên bỏ Pháp
Buông lìa Tâm Bồ Đề
Keo kiệt tất cả Pháp
Hạnh chẳng lợi chúng sinh
Phật nói **Tam Muội Gia**
Ngươi khéo trụ nơi Giới
Như hộ thân mệnh mình
Hộ Giới cũng như vậy
Nên chí thành cung kính
Cúi lạy **chân** (bàn chân) Thánh Tôn
Chỗ làm, tùy **Giáo Hạnh**
Đừng sinh Tâm nghi ngờ”

KINH NHIỆP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA
BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG CHƯ TÔN MẬT ÁN TIÊU XÍ MẠN TRÀ LA NGHI QUỸ
QUYÊN THỨ HAI (Hết)